

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN  
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI  
SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC 2022-2023**  
(*Tính từ ngày 01/09/2022 đến 30/09/2023*)

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1	DH12006270	Nguyễn Phước Thiện An	D20_CDTU01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2	DH12002373	Trần Trung Danh	D20_CDTU01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3	DH12006291	Nguyễn Hữu Đông	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4	DH12004075	Huỳnh Ngọc Hải	D20_CDTU01	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
5	DH12004507	Trần Quốc Hưng	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH12003045	Trần Minh Khang	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
7	DH12003623	Trần Ngọc Long	D20_CDTU01	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0
8	DH12003368	Phạm Hùng Mạnh	D20_CDTU01	7	-	-	-	-	-	5.5	-	1.5	3
9	DH12004080	Võ Hoàng Phát	D20_CDTU01	12.5	-	-	-	-	-	12.5	-	-	0
10	DH12006321	Trần Thanh Phong	D20_CDTU01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
11	DH12006323	Nguyễn Bá Phúc	D20_CDTU01	5	-	0.5	-	-	-	3	-	1.5	5
12	DH12004807	Nguyễn Minh Quân	D20_CDTU01	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6
13	DH12002321	Trần Minh Quyền	D20_CDTU01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
14	DH12007180	Nguyễn Chí Tài	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH12006331	Nguyễn Đình Hữu Tài	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH12004039	Lê Hoàng Thanh	D20_CDTU01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
17	DH12002889	Nguyễn Minh Thuận	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH12002181	Trần Trung Tín	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
19	DH12000082	Trần Trí Toàn	D20_CDTU01	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
20	DH12006338	Lý Phi Tông	D20_CDTU01	2.5	-	-	-	-	-	1	-	1.5	7.5
21	DH12006344	Tăng Thế Triều	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
22	DH12002449	Lê Ngọc Tú	D20_CDTU01	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
23	DH12004164	Đỗ Trọng Tuấn	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH12003562	Nguyễn Anh Tuấn	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH12007373	Nguyễn Quốc Việt	D20_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH31901604	Trần Châu Chí Cường	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
27	DH32003893	Nguyễn Văn Khá	D20_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
28	DH32003415	Nguyễn Hồng Khang	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
29	DH32003630	Lâm Minh Khởi	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
30	DH32003277	Nguyễn Trí Phúc	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
31	DH31901603	Nguyễn Văn Phước	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
32	DH32001310	Huỳnh Nhật Phương	D20_DDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
33	DH32002078	Nguyễn Minh Quân	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
34	DH32001061	Nguyễn Tuấn Tài	D20_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
35	DH32003127	Đình Quang Thanh	D20_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
36	DH32002511	Lê Bá Toàn	D20_DDT01	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
37	DH32004006	Vương Nhật Tú	D20_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
38	DH32003229	Nguyễn Hoàng Vũ	D20_DDT01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
39	DH32007425	Võ Ngân Giang	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
40	DH32006366	Nguyễn Hoàng Minh Hậu	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
41	DH32007209	Đỗ Văn Hiệp	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
42	DH32006367	Lê Trung Hiếu	D20_DDT02	8.5	-	0.5	-	3	-	4	1	-	1.5
43	DH32006370	Nguyễn Vũ Hòa	D20_DDT02	4.5	-	0.5	-	3	-	1	-	-	5.5
44	DH32004031	Nguyễn Phát Hùng	D20_DDT02	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
45	DH32004450	Hoàng Trương Xuân	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
46	DH31909027	Trần Thanh Hưng	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
47	DH32006374	Trần Anh Tuấn Kiệt	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
48	DH32004598	Nguyễn Thị Kim Lý	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
49	DH32006995	Trần Hoàng Nam	D20_DDT02	17	7	-	-	-	-	10	-	-	0
50	DH32006389	Lê Minh Phát	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
51	DH32006398	Đặng Văn Quý	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
52	DH32006399	Nguyễn Thanh Quý	D20_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
53	DH32006412	Lê Quốc Thái	D20_DDT02	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9
54	DH32006413	Hoàng Đức Thắng	D20_DDT02	2.5	0.5	-	-	-	-	2	-	-	7.5
55	DH32004117	Trần Huỳnh Nam Thuận	D20_DDT02	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
56	DH32006402	Trương Lâm Nhật Tiến	D20_DDT02	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
57	DH32004825	Nguyễn Ngọc Thanh Toàn	D20_DDT02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
89	DH72002846	Vũ Thị Hà Thu	D20_KD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
90	DH72001742	Nguyễn Minh Thu	D20_KD01	8.5	1	-	-	-	-	7.5	-	-	1.5
91	DH72002425	Võ Phạm Ngọc Trâm	D20_KD01	8	0.5	1.5	-	1.5	-	4.5	-	-	2
92	DH72001368	Đặng Thị Huyền Trân	D20_KD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
93	DH72002030	Nguyễn Trần Minh Triết	D20_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
94	DH72003326	Hồ Thị Thủy Trúc	D20_KD01	4	1	-	-	-	-	-	-	3	6
95	DH72004065	Nguyễn Thanh Trúc	D20_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
96	DH72003564	Phan Thanh Trúc	D20_KD01	13	2.5	-	-	-	-	10.5	-	-	0
97	DH72003815	Trần Tố Tuyên	D20_KD01	8	2	-	-	-	-	4	-	2	2
98	DH72001626	Bùi Thị Yến Vy	D20_KD01	8	1	-	6	-	-	1	-	-	2
99	DH72002186	Phạm Đặng Như ý	D20_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
100	DH72003898	Nguyễn Thị Kim Yến	D20_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
101	DH72007247	Nguyễn Thị Kim Anh	D20_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
102	DH72004948	Thái Phương Anh	D20_KD02	4.5	1	-	-	1	-	2.5	-	-	5.5
103	DH72007010	Phạm Chí Bảo	D20_KD02	2.5	-	-	-	1	-	1.5	-	-	7.5
104	DH72007227	Phạm Trần Mỹ Duyên	D20_KD02	17.5	17	-	-	-	-	0.5	-	-	0
105	DH72005220	Lê Khánh Dương	D20_KD02	14.5	-	-	-	-	-	14.5	-	-	0
106	DH72006624	Trần Văn Giàu	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
107	DH72006594	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
108	DH72006938	Nguyễn Đức Hiếu	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
109	DH72001199	Huỳnh Nhật Hòa	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
110	DH72005280	Nguyễn Văn Tiến Hùng	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
111	DH72007187	Đào Ngọc Thảo Lan	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
112	DH72006662	Vũ Văn Lộc	D20_KD02	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
113	DH72005345	Giang Hải Luân	D20_KD02	9.5	-	-	9	-	-	0.5	-	-	0.5
114	DH72004729	Mei Chih Lung	D20_KD02	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0
115	DH72005358	Nguyễn Hiếu Minh	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
116	DH72006933	Hà Thị Mỹ	D20_KD02	30.5	22.5	-	-	-	-	8	-	-	0
117	DH72005368	Lê Hoàng Mỹ	D20_KD02	4.5	1	-	-	-	-	0.5	-	3	5.5
118	DH72005376	Võ Thành Nam	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
119	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	D20_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
120	DH72005393	Phạm Thị Kim Ngân	D20_KD02	8	-	-	8	-	-	-	-	-	2
121	DH72007028	Nguyễn Bích Ngọc	D20_KD02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
122	DH72006960	Lê Thị ánh Nhi	D20_KD02	13.5	10	-	-	-	-	0.5	-	3	0
123	DH72005422	Nguyễn Thị Vân Nhi	D20_KD02	4	1	-	-	-	-	-	-	3	6
124	DH72005460	Hứa Thị Thanh Phương	D20_KD02	17	16.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
125	DH72005461	Lê Thị Thu Phương	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
126	DH72005463	Nguyễn Phước Thu Phương	D20_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
127	DH72002193	Lê Phạm Phương Quỳnh	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
128	DH72005476	Phạm Ngọc Như Quỳnh	D20_KD02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
129	DH72004222	Tạ Bảo Tài	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
130	DH72005492	Nguyễn Hoàng Tấn	D20_KD02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
131	DH72005556	Phạm Lê Hưng Thịnh	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
132	DH72005505	Thiều Văn Vũ Tiến	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
133	DH72004546	Đặng Thị Mỹ Trà	D20_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
134	DH72007327	Dương Thị Ngọc Trâm	D20_KD02	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
135	DH72005594	Nguyễn Thị Ngọc Trân	D20_KD02	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
136	DH72005517	Trần Anh Tuấn	D20_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
137	DH72007191	Lê Cao Khánh Vân	D20_KD02	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
138	DH72003560	Lê Vy	D20_KD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
139	DH72007070	Lê Hồng Hoàng Yến	D20_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
140	DH72000159	Lê Nguyễn Duy Anh	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
141	DH72004477	Lý Mỹ Ân	D20_MAR01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
142	DH72005192	Trần Gia Bình	D20_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
143	DH72004082	Nguyễn Tôn Dương	D20_MAR01	2	0.5	-	-	-	-	1.5	-	-	8
144	DH72004706	Nguyễn Hà Hải Đăng	D20_MAR01	15.5	14.5	-	-	-	-	1	-	-	0
145	DH72004599	Dương Huỳnh Đức	D20_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
146	DH72000078	Lê Thị Hằng	D20_MAR01	3	-	-	-	1	-	2	-	-	7
147	DH72003879	Nguyễn Thị Thúy Hằng	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
148	DH72005264	Trần Ngọc Hân	D20_MAR01	3	-	-	1	0.5	-	0.5	1	-	7
149	DH72004714	Đào Mạnh Huy	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
150	DH72005286	Phan Thị Phương Huỳnh	D20_MAR01	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
151	DH72005322	Võ Ngô Minh Khôi	D20_MAR01	20	18	-	-	-	-	2	-	-	0
152	DH72004944	Phan Thúy Kiều	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
153	DH72004580	Nguyễn Thị Ngọc Liên	D20_MAR01	15	14	-	-	-	-	1	-	-	0
154	DH72004515	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D20_MAR01	15	14	-	-	-	-	1	-	-	0
155	DH72005337	Trương Thị Phương Linh	D20_MAR01	3	1	-	1	0.5	-	0.5	-	-	7
156	DH72007361	Nguyễn Thị Tuyết Loan	D20_MAR01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
157	DH72004809	Lê Tấn Lộc	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
158	DH72004844	Nguyễn Thành Luân	D20_MAR01	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
159	DH72004069	Cao Thị Bích Luyến	D20_MAR01	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9
160	DH72004711	Nguyễn Thị Xuân Mai	D20_MAR01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
161	DH72004209	Trần Ngọc Mạnh	D20_MAR01	6	5	-	1	-	-	-	-	-	4
162	DH72005366	Võ Thị Tuyết My	D20_MAR01	2.5	-	-	-	-	-	1.5	1	-	7.5
163	DH72004686	Nguyễn Thanh Nga	D20_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
164	DH72004138	Dương Ngọc Kim Ngân	D20_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
165	DH72005384	Huỳnh Thị Hồng Ngân	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
166	DH72004724	Nguyễn Thị Thanh Ngân	D20_MAR01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
167	DH72005424	Phạm Hà Trúc Nhi	D20_MAR01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
168	DH72005431	Hồ Ngọc Khánh Như	D20_MAR01	5	-	-	4	-	-	1	-	-	5
169	DH72004722	Nguyễn Dương Hoàng Oanh	D20_MAR01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
170	DH72004816	Đặng Trương Hoàng Phúc	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
171	DH72004806	Nguyễn Trịnh Trúc Phương	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
172	DH72005471	Phạm Trần Quốc Quy	D20_MAR01	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
173	DH72005480	Nguyễn Ngọc Sang	D20_MAR01	2	-	-	1	0.5	-	0.5	-	-	8
174	DH72004962	Lê Thị Minh Tâm	D20_MAR01	9.5	-	-	9	0.5	-	-	-	-	0.5
175	DH72004333	Nguyễn Thanh Tâm	D20_MAR01	2	-	-	1	-	-	-	1	-	8
176	DH72004821	Vũ Đặng Phương Thảo	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
177	DH72004822	Trần Minh Thông	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
178	DH72003517	Nguyễn Thị Thanh Thúy	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
179	DH72004882	Dương Anh Thư	D20_MAR01	9.5	-	-	9	0.5	-	-	-	-	0.5
180	DH72004245	Trần Nguyễn Anh Thư	D20_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
181	DH72007316	Trà Thị Thanh Trâm	D20_MAR01	6	-	-	6	-	-	-	-	-	4

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
182	DH72001254	Nguyễn Đình Trí	D20_MAR01	6	-	-	-	3	-	3	-	-	4
183	DH72007046	Phạm Thanh Trúc	D20_MAR01	11	-	-	10	-	-	1	-	-	0
184	DH72005525	Nguyễn Khánh Tường	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
185	DH72004808	Trương Triệu Võ	D20_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
186	DH72004900	Bùi Huỳnh Thảo Vy	D20_MAR01	9	-	-	9	-	-	-	-	-	1
187	DH72004677	Nguyễn Lương Thúy Vy	D20_MAR01	10	-	-	9	-	-	1	-	-	0
188	DH72003796	Lê Thị Minh Yến	D20_MAR01	10.5	-	-	10	0.5	-	-	-	-	0
189	DH72003483	Từ Huỳnh Trí Dũng	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
190	DH72005725	Nguyễn Bảo Duy	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
191	DH72003577	Nguyễn Thị ánh Duy	D20_MAR02	4	2	0.5	-	-	-	1.5	-	-	6
192	DH72002148	Nguyễn Thị Thùy Duyên	D20_MAR02	4.5	-	0.5	2	-	-	0.5	-	1.5	5.5
193	DH72002549	Tổng Thị Thùy Dương	D20_MAR02	1	1	-	-	-	-	-	-	-	9
194	DH72001414	Hà Việt Đạt	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
195	DH72003780	Võ Lê Thị Huỳnh Giang	D20_MAR02	14	1	-	-	2	-	11	-	-	0
196	DH72001594	Vũ Nhật Hào	D20_MAR02	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
197	DH72001611	Thái Ngọc Hào	D20_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
198	DH72001048	Nguyễn Minh Hiếu	D20_MAR02	4	4	-	-	-	-	-	-	-	6
199	DH72002890	Đặng Thị Huế	D20_MAR02	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
200	DH72003904	Nguyễn Thị Gia Huệ	D20_MAR02	18.5	18	-	-	-	-	0.5	-	-	0
201	DH72002811	Phan Gia Huy	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
202	DH72001562	Trần Võ Tuấn Kha	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
203	DH72002115	Nguyễn Ngọc Vĩ Khang	D20_MAR02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
204	DH72000962	Lưu Đặng Anh Khoa	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
205	DH72001863	Nguyễn Trung Kiên	D20_MAR02	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
206	DH72002215	Phạm Thị Mỹ Liên	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
207	DH72000261	Võ Thị Ngọc Linh	D20_MAR02	14	13	0.5	-	-	-	0.5	-	-	0
208	DH72002776	Hồ Văn Lượng	D20_MAR02	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
209	DH72003846	Nguyễn Thị Trúc My	D20_MAR02	8.5	1	-	7	-	-	0.5	-	-	1.5
210	DH72000830	Phan Thị Diễm My	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
211	DH72001608	Đặng Ngọc Thu Ngân	D20_MAR02	7	-	-	-	3	-	4	-	-	3
212	DH72002156	Đặng Thị Kim Ngân	D20_MAR02	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
244	DH72001873	Bùi Ngọc Thảo Uyên	D20_MAR02	8	-	-	6	-	-	2	-	-	2
245	DH72002232	Nguyễn Thị Thu Uyên	D20_MAR02	5.5	-	-	4	-	-	1.5	-	-	4.5
246	DH72001163	Trần Thị Bảo Uyên	D20_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
247	DH72001704	Lê Nguyễn Ngọc Yến	D20_MAR02	3.5	2	0.5	-	-	-	1	-	-	6.5
248	DH72002338	Lê Thị Kim Yến	D20_MAR02	3	-	-	-	1	-	2	-	-	7
249	DH72005041	Đỗ Thị Huế Anh	D20_MAR03	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
250	DH72005164	Lê Nguyễn Vy Anh	D20_MAR03	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
251	DH72005176	Trương Bảo Anh	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
252	DH72004056	Huỳnh Sanh Kim ánh	D20_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
253	DH72005178	Phan Thị ánh	D20_MAR03	2.5	1.5	-	1	-	-	-	-	-	7.5
254	DH72002620	Nguyễn Văn Cảnh	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
255	DH72004105	Tạ Trần Minh Cường	D20_MAR03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
256	DH72003886	Huỳnh Ngọc Dung	D20_MAR03	9	8	-	1	-	-	-	-	-	1
257	DH72005216	Nguyễn Thạch Lâm Duy	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
258	DH72005223	Nguyễn Thị Thùy Dương	D20_MAR03	10	-	-	10	-	-	-	-	-	0
259	DH72003401	Nguyễn Phước Đạt	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
260	DH72005237	Phan Duy Đô	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
261	DH72004076	Nguyễn Quang Đông	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
262	DH72004048	Nguyễn Văn Đức	D20_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
263	DH72004363	Ngô Thị Ngọc Giao	D20_MAR03	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
264	DH72000307	Lê Thị Ngọc Hân	D20_MAR03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
265	DH72004351	Đỗ Thị Hiền	D20_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
266	DH72004469	Đỗ Đăng Quốc Huy	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
267	DH72004218	Nguyễn Thị Hương	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
268	DH72004081	Võ Thị ý Lan	D20_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
269	DH72002451	Trương Gia Linh	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
270	DH72004208	Nguyễn Hữu Lợi	D20_MAR03	3.5	-	-	3	-	-	0.5	-	-	6.5
271	DH72004431	Huỳnh Thị Trúc Ly	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
272	DH72004181	Thái Kim Ngân	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
273	DH72004068	Dương Hà Tuyết Nhi	D20_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
274	DH72004182	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhung	D20_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
337	DH72005528	Phan Bảo Thái	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
338	DH72001449	Tô Trường Thanh	D20_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
339	DH72005547	Nguyễn Trần Quốc Thắng	D20_MAR04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
340	DH72005564	Đàm Thị Thùy	D20_MAR04	7	1	-	-	3	-	3	-	-	3
341	DH72005572	Nguyễn Trần Anh Thư	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
342	DH72003873	Phạm Hồng Thư	D20_MAR04	6.5	6	-	-	-	-	0.5	-	-	3.5
343	DH72003887	Đào Huỳnh Hoàng Tiến	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
344	DH72002119	Du Thị Ngọc Trang	D20_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
345	DH72003609	Lê Võ Bích Trâm	D20_MAR04	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
346	DH72005598	Phạm Như Trí	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
347	DH72001559	Tổng Minh Trí	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
348	DH72005612	Trần Thị Mỹ Trinh	D20_MAR04	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
349	DH72005613	Dương Duy Trọng	D20_MAR04	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
350	DH72005614	Phạm Thanh Trúc	D20_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
351	DH72005508	Hàn Thị Cẩm Tú	D20_MAR04	4	1	-	-	-	-	3	-	-	6
352	DH72005520	Cao Thanh Tuyền	D20_MAR04	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9
353	DH72007201	Đoàn Thị Sơn Tuyền	D20_MAR04	7.5	5	1.5	1	-	-	-	-	-	2.5
354	DH72003601	Lê Thị Ngọc Tuyền	D20_MAR04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
355	DH72005621	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	D20_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
356	DH72005628	Nguyễn Thị Thanh Vân	D20_MAR04	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
357	DH72005639	Hồ Thanh Việt	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
358	DH72003256	Phạm Thanh Vũ	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
359	DH72005647	Nguyễn Phương Vy	D20_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
360	DH72003572	Trần Hoàng Hồng Vy	D20_MAR04	2.5	-	-	-	1	-	1.5	-	-	7.5
361	DH72006991	Hoàng Phước Dân An	D20_MAR05	8.5	8	-	-	-	-	0.5	-	-	1.5
362	DH72007006	Hà Lê Kiều Anh	D20_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
363	DH72006818	Nguyễn Thị Vân Anh	D20_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
364	DH72006726	Nguyễn Thành Bảo	D20_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
365	DH72007045	Lê Thị Kim Cương	D20_MAR05	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
366	DH72007008	Nguyễn Lê Phương Dung	D20_MAR05	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
367	DH72007054	Trần Phạm Hồng Duyên	D20_MAR05	4.5	2	-	-	-	-	2.5	-	-	5.5







STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
461	DH72001741	Nguyễn Huỳnh Phong Thanh	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
462	DH72001151	Trần Minh Phúc	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
463	DH72003906	Lâm Hạnh Phương	D20_TC01	5	-	-	-	3	-	1	1	-	5
464	DH72000052	Lê Nguyễn Ngọc Quý	D20_TC01	4	-	0.5	-	1	-	2.5	-	-	6
465	DH72005470	Phan Đăng Hoàng Quốc	D20_TC01	11	10	-	-	0.5	-	0.5	-	-	0
466	DH72001665	Cao Nguyễn Thu Thảo	D20_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
467	DH72003230	Võ Tường Phương Thảo	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
468	DH72003079	Bùi Thị Diệu Thắm	D20_TC01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
469	DH72002431	Đỗ Ngọc Diễm Thu	D20_TC01	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
470	DH72000627	Nguyễn Tấn Thuận	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
471	DH72000283	Nguyễn Hoàng Anh Thư	D20_TC01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
472	DH72001220	Nguyễn Hoàng Cẩm Tiên	D20_TC01	3.5	1	-	2	-	-	0.5	-	-	6.5
473	DH72003620	Nguyễn Hồ Thùy Trang	D20_TC01	14	11	0.5	-	-	-	1.5	1	-	0
474	DH72003899	Nguyễn Thị Thùy Trang	D20_TC01	2.5	1	0.5	-	-	-	1	-	-	7.5
475	DH72002914	Hoàng Thị Ngọc Trâm	D20_TC01	4	-	2	-	-	-	2	-	-	6
476	DH72001868	Võ Trương Bảo Trân	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
477	DH72000383	Võ Phan Tuấn Tú	D20_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
478	DH72001147	Đoàn Thanh Tuấn	D20_TC01	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
479	DH72003884	Đỗ Thị Thanh Vân	D20_TC01	4	-	0.5	-	1	-	2.5	-	-	6
480	DH71900580	Liên Đỗ Triệu Vi	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
481	DH72002867	Lý Thị Ngọc Xuyên	D20_TC01	5.5	1	0.5	2	-	-	2	-	-	4.5
482	DH71905357	Võ Kim Yến	D20_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
483	DH72005175	Trần Duy Anh	D20_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
484	DH72007323	Nguyễn Thị Ngọc ánh	D20_TC02	6.5	-	-	6	-	-	0.5	-	-	3.5
485	DH72005206	Tăng Kiệt Đình	D20_TC02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
486	DH72002711	Hà Kim Dung	D20_TC02	9	-	-	8	-	-	-	1	-	1
487	DH72005240	Trương Minh Quỳnh Giang	D20_TC02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
488	DH72006767	Mai Thị Phương Hà	D20_TC02	3.5	-	-	-	-	-	2.5	1	-	6.5
489	DH72005254	Trần Thanh Hào	D20_TC02	3	1	-	-	-	-	2	-	-	7
490	DH72004461	Nguyễn Ngọc Hiếu Hân	D20_TC02	3	1	-	-	-	-	2	-	-	7
491	DH72004220	Tạ Thị Thanh Huyền	D20_TC02	4	1	-	-	-	-	3	-	-	6

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
492	DH72005288	Nguyễn Việt Hưng	D20_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
493	DH72004112	Hồ Anh Khoa	D20_TC02	6.5	-	-	5	-	-	0.5	1	-	3.5
494	DH72005016	Đào Thị Kiều Linh	D20_TC02	2.5	1	-	-	-	-	1.5	-	-	7.5
495	DH72006647	Phan Thùy Linh	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
496	DH72006934	Nguyễn Hoài Ly	D20_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
497	DH72005354	Trần Thị Thanh Mai	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
498	DH72005390	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
499	DH72005062	Phạm Thị Kim Ngân	D20_TC02	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
500	DH72007266	Trần Thị Kim Ngân	D20_TC02	8.5	-	-	8	-	-	0.5	-	-	1.5
501	DH72006602	Huỳnh Trung Nghĩa	D20_TC02	10.5	-	-	8	-	-	0.5	-	2	0
502	DH72005401	Nguyễn Hồng Ngọc	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
503	DH72005404	Trần Thị Bích Ngọc	D20_TC02	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
504	DH72005409	Nguyễn Lê Thùy Nguyên	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
505	DH72006670	Huỳnh Thị Yến Nhi	D20_TC02	5	-	-	-	-	-	3	-	2	5
506	DH72005433	Lê Thị Quỳnh Như	D20_TC02	3	0.5	-	-	-	-	2.5	-	-	7
507	DH72005436	Bùi Phương Oanh	D20_TC02	3.5	0.5	-	-	-	-	3	-	-	6.5
508	DH72006998	Châu Tuấn Phúc	D20_TC02	6.5	2	-	-	-	-	2.5	-	2	3.5
509	DH72006936	Vũ Thị Quyên	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
510	DH72004067	Nguyễn Đức Tạo	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
511	DH72004129	Trần Thái Thanh	D20_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
512	DH72003528	Hoàng Khắc Thành	D20_TC02	4	-	0.5	-	0.5	-	2	1	-	6
513	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh Thảo	D20_TC02	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
514	DH72005544	Nguyễn Kim Phương Thảo	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
515	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương Thảo	D20_TC02	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
516	DH72004297	Ngô Hoa Thiên	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
517	DH72005558	Trần Minh Thống	D20_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
518	DH72004606	Nguyễn Minh Thuận	D20_TC02	8	2	-	6	-	-	-	-	-	2
519	DH72004007	Huỳnh Phương Thùy	D20_TC02	9	1	-	8	-	-	-	-	-	1
520	DH72004727	Nguyễn Thị Thanh Thúy	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
521	DH72007031	Lương Nữ Kiều Tiên	D20_TC02	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
522	DH72003275	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	D20_TC02	9.5	2	0.5	1	-	-	6	-	-	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
523	DH72006734	Châu Bích Tiên	D20_TC02	7	1	-	6	-	-	-	-	-	3
524	DH72004021	Đặng Minh Toàn	D20_TC02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
525	DH72006955	Lê Thị Hồng Trang	D20_TC02	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
526	DH72005578	Nguyễn Thị Minh Trang	D20_TC02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
527	DH72005588	Trần Thị Kiều Trâm	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
528	DH72007064	Khru Thị Thanh Trúc	D20_TC02	7	2	-	5	-	-	-	-	-	3
529	DH72006633	Nguyễn Minh Tuấn	D20_TC02	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
530	DH72005643	Đoàn Anh Vy	D20_TC02	4	0.5	-	-	-	-	3.5	-	-	6
531	DH72005657	Trần Thị Mỹ Xuyên	D20_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
532	DH72005181	Nguyễn Thanh Minh Bách	D20_TC03	7	-	-	-	3	-	4	-	-	3
533	DH72006597	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	D20_TC03	10.5	9.5	-	1	-	-	-	-	-	0
534	DH72005195	Vũ Chí Công	D20_TC03	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
535	DH72005203	Lê Thị Kiều Diễm	D20_TC03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
536	DH72006963	Cát Ngọc Diệp	D20_TC03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
537	DH72005213	Nguyễn Thị Thanh Dung	D20_TC03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
538	DH72005224	Phạm Thị Thúy Dương	D20_TC03	7	-	-	5	-	-	0.5	-	1.5	3
539	DH72004735	Bùi Tấn Đạt	D20_TC03	5	-	-	-	-	-	3.5	-	1.5	5
540	DH72001813	Vũ Tiến Đạt	D20_TC03	1	1	-	-	-	-	-	-	-	9
541	DH72002543	Lưu Trung Đương	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
542	DH72007414	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	D20_TC03	9	-	0.5	-	3	-	5.5	-	-	1
543	DH72006800	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	D20_TC03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
544	DH72003581	Võ Ngọc Hân	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
545	DH72005271	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	D20_TC03	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
546	DH72002643	Viên Ngọc Trâm Hoa	D20_TC03	8	-	-	3	-	-	5	-	-	2
547	DH72005045	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
548	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo	D20_TC03	9.5	9.5	-	-	-	-	-	-	-	0.5
549	DH72007207	Huỳnh Phương Linh	D20_TC03	1	1	-	-	-	-	-	-	-	9
550	DH72004734	Nguyễn Trọng Long	D20_TC03	15	11	0.5	-	-	-	2	-	1.5	0
551	DH72007154	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
552	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	D20_TC03	8.5	0.5	-	-	-	-	7	1	-	1.5
553	DH72005411	Trần Phương Nguyên	D20_TC03	9.5	8	-	-	-	-	1.5	-	-	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
554	DH72005414	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	D20_TC03	9.5	8	-	-	-	-	1.5	-	-	0.5
555	DH72005421	Lê Ngọc Tuyết Nhi	D20_TC03	7.5	0.5	-	-	1	-	3.5	1	1.5	2.5
556	DH72005435	Võ Thị Huỳnh Như	D20_TC03	11	11	-	-	-	-	-	-	-	0
557	DH72004582	Nguyễn Kim Phụng	D20_TC03	25.5	0.5	-	-	-	-	25	-	-	0
558	DH72007163	Nguyễn Trúc Phương	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
559	DH72005465	Trần Nguyễn Như Phương	D20_TC03	12.5	11	0.5	-	-	-	1	-	-	0
560	DH72007038	Bùi Tú Quyên	D20_TC03	7	-	-	-	-	-	6	1	-	3
561	DH72005473	Lê Nguyễn Phương Quyên	D20_TC03	25.5	20.5	-	-	-	-	5	-	-	0
562	DH72000422	Võ Thanh Sơn	D20_TC03	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
563	DH72005488	Đoàn Thu Sương	D20_TC03	5.5	-	-	5	-	-	0.5	-	-	4.5
564	DH72007060	Hà Tuyết Sương	D20_TC03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
565	DH72004908	Nguyễn Thị Tuyết Sương	D20_TC03	12	-	0.5	-	-	-	11.5	-	-	0
566	DH72004774	Phạm Thiên Thanh	D20_TC03	8.5	-	-	3	0.5	-	4	1	-	1.5
567	DH72005537	Nguyễn Phúc Thành	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
568	DH72003265	Đào Thị Phương Thảo	D20_TC03	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
569	DH72005543	Nguyễn Đỗ Duy Thảo	D20_TC03	8.5	-	-	3	-	-	5.5	-	-	1.5
570	DH72007357	Nguyễn Ngọc Thảo	D20_TC03	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
571	DH72005546	Nguyễn Đức Thắng	D20_TC03	7	2	0.5	2	-	-	1	-	1.5	3
572	DH72007183	Hoàng Thị Mai Thi	D20_TC03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
573	DH72005555	Lê Phú Thịnh	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
574	DH72005575	Nguyễn Thị Vân Thy	D20_TC03	4	-	-	-	1	-	1.5	-	1.5	6
575	DH72006600	Bùi Phi Thiện Tuấn	D20_TC03	8.5	-	0.5	-	-	-	6.5	-	1.5	1.5
576	DH72005522	Nguyễn Thanh Tuyền	D20_TC03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
577	DH72000437	Nguyễn Hà Tố Uyên	D20_TC03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
578	DH72005625	Ngô Gia Văn	D20_TC03	4	-	-	-	1	-	1.5	-	1.5	6
579	DH72005630	Phạm Nguyễn Ng. Vân	D20_TC03	12	-	0.5	-	1	-	9	-	1.5	0
580	DH72007314	Bùi Thịnh Vy	D20_TC03	3	1	-	2	-	-	-	-	-	7
581	DH72006946	Hoàng Thị Tường Vy	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
582	DH72005654	Đỗ Thanh Xuân	D20_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
583	DH72006630	Trần Thanh Xuân	D20_TC03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
584	DH52000012	Bùi Thị Vân Anh	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
647	DH52002061	Nguyễn Hoàng Ngọc Phú	D20_TH02	6	-	-	-	3	-	3	-	-	4
648	DH52001860	Phan Hoàng Phúc	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
649	DH52003255	Lê Triệu Thanh Phương	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
650	DH52000281	Lư Kiều Minh Quân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
651	DH52003521	Huỳnh Minh Quy	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
652	DH52001024	Nguyễn Duy Sơn	D20_TH02	5	-	-	-	-	-	2	-	3	5
653	DH52003364	Nguyễn Trinh Duy Tân	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
654	DH52001726	Huỳnh Ngọc Thẩm	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
655	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
656	DH52001630	Nguyễn Ngọc Thiện	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
657	DH52002062	Phan Thanh Thúy	D20_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
658	DH52003694	Nguyễn Hoàng Tiến	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
659	DH52002032	Phạm Ngọc Quế Trâm	D20_TH02	3	-	-	-	-	-	-	-	3	7
660	DH52001832	Tiêu Quang Trường	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
661	DH52003232	Ngô Xuân Tuy	D20_TH02	8.5	0.5	-	-	-	-	8	-	-	1.5
662	DH52001340	Phạm Trọng Việt	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
663	DH52002202	Nguyễn Tuấn Vũ	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
664	DH52002063	Lê Trần Thúy Vy	D20_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
665	DH52003201	Ngô Hoài An	D20_TH03	24	24	-	-	-	-	-	-	-	0
666	DH52003458	Mai Xuân Anh	D20_TH03	44.5	25	-	-	-	-	17	-	3	0
667	DH52002912	Nguyễn Thị Linh Chi	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
668	DH52001339	Dương Lê Thành Danh	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
669	DH52002862	Lê Văn Đạt	D20_TH03	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
670	DH52001330	Phạm Ngọc Đông	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
671	DH52002772	Phạm Phú Đức	D20_TH03	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
672	DH52001467	Nguyễn Hữu Giàu	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
673	DH52003489	Nguyễn Thanh Hải	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
674	DH52001332	Trang Thanh Hải	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
675	DH52000812	Lâm Anh Hòa	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
676	DH52002714	Lưu Quốc Huy	D20_TH03	5.5	-	-	-	-	-	4.5	1	-	4.5
677	DH52003771	Nguyễn Lê Huy	D20_TH03	19.5	-	-	-	-	-	19.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
678	DH52001142	Nguyễn Phan Bảo Huy	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
679	DH52002778	Phạm Quốc Huy	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
680	DH52001107	Đặng Phạm Gia Hưng	D20_TH03	17.5	16.5	-	-	-	-	1	-	-	0
681	DH52001091	Đoàn Minh Khang	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
682	DH52002787	Hoàng Khang	D20_TH03	17	16.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
683	DH52001329	Nguyễn Hoàng Khang	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
684	DH52000539	Nguyễn Nhật Khang	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
685	DH52000389	Nguyễn Võ Ngọc Khang	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
686	DH52003250	Nguyễn Sơn Đăng Khoa	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
687	DH52003844	Trần Đình Khôi	D20_TH03	2.5	-	-	-	2	-	0.5	-	-	7.5
688	DH52003083	Nguyễn Trọng Kim	D20_TH03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
689	DH52002664	Võ Thị Mỹ Lệ	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
690	DH52001092	Bùi Ngọc Na	D20_TH03	3	-	-	-	1.5	-	1.5	-	-	7
691	DH52002187	Lê Văn Nam	D20_TH03	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
692	DH52002991	Nguyễn Trọng Nghĩa	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
693	DH52001400	Vũ Trung Nghĩa	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
694	DH52003883	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
695	DH52003701	Trần Minh Nhân	D20_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
696	DH52003792	Trần Tấn Phát	D20_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
697	DH52002933	Nguyễn Gia Quốc	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
698	DH52006069	Đặng Thanh Sang	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
699	DH52001793	Trần Văn Sĩ	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
700	DH52003324	Lê Đức Tài	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
701	DH52003469	Trương Minh Tài	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
702	DH52001455	Trần Thanh Tấn	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
703	DH52001226	Nguyễn Ngô Thanh	D20_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
704	DH52002581	Võ Quốc Thắng	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
705	DH52003194	Ngô Hoài Thịnh	D20_TH03	24	24	-	-	-	-	-	-	-	0
706	DH52000660	Nguyễn Thị Kim Thoa	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
707	DH52003431	Nguyễn Thanh Thoại	D20_TH03	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
708	DH52000293	Hồ Văn Tiến	D20_TH03	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5









STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
833	DH52004086	Hoàng Cẩm Tú	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
834	DH52004760	Vũ Nguyễn Anh Tuấn	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
835	DH52004709	Ngô Quốc Việt	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
836	DH52004458	Phó Tấn Vinh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
837	DH52005662	Phạm Ngọc Nhân Ái	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
838	DH52005726	Nguyễn Đình Duy	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
839	DH52005729	Phan Khánh Duy	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
840	DH52004810	Diệp Phước Đạt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
841	DH52005749	Huỳnh Hữu Đạt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
842	DH52005783	Đặng Anh Hào	D20_TH08	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
843	DH52004918	Phạm Việt Hậu	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
844	DH52007203	Phạm Trung Hiệp	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
845	DH52005818	Phan Thanh Hoài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
846	DH52005847	Nguyễn Hồng Gia Huy	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
847	DH52005851	Nguyễn Tấn Huy	D20_TH08	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
848	DH52005025	Thân Minh Khang	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
849	DH52005903	Mộc Đăng Khoa	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
850	DH52005870	Vũ Trung Kiên	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
851	DH52005044	Đào Tuấn Kiệt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
852	DH52005872	Lợi Siêu Kiệt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
853	DH52005875	Trần Phú Kiệt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
854	DH52005879	Lưu Ngọc Kỳ	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
855	DH52004932	Nguyễn Phước Lộc	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
856	DH52004044	Vũ Nhật Minh	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
857	DH52006010	Biện Hồng Phát	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
858	DH52006015	Trần Trọng Phát	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
859	DH52006020	Võ Hoàng Phi	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
860	DH52005031	Chu Bình Phong	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
861	DH52006034	Trần Bá Phúc	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
862	DH52006036	Nguyễn Hữu Phụng	D20_TH08	12	-	-	-	-	-	11	1	-	0
863	DH52006041	Đào Đức Quang	D20_TH08	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
864	DH52006042	Lê Quang	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
865	DH52004838	Võ Hồng Quang	D20_TH08	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
866	DH52006049	Nguyễn Hoàng Quân	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
867	DH52006061	Trương Hoàng Quốc	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
868	DH52006075	Nguyễn Văn Sinh	D20_TH08	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
869	DH52006087	Lê Đức Anh Tài	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
870	DH52006090	Nguyễn Thành Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
871	DH52006102	Phan Thanh Tân	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
872	DH52005059	Lê Trường Thanh	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
873	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát Tiên	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
874	DH52000110	Võ Văn Tiến	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
875	DH52006230	Võ Thành Trung	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
876	DH52005051	Đặng Trung Trực	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
877	DH52006131	Hà Xuân Tú	D20_TH08	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
878	DH52005166	Nguyễn Tuấn Anh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
879	DH52005677	Võ Chu Quốc Anh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
880	DH52005684	Lê Khánh Bảo	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
881	DH52005690	Trần Nguyễn Gia Bảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
882	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim Chi	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
883	DH52005705	Lư Thừa Chí	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
884	DH52005696	Dương Tăng Cường	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
885	DH52005698	Lê Đình Cường	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
886	DH52005068	Nguyễn Thanh Danh	D20_TH09	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
887	DH52005714	Nguyễn Anh Dũng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
888	DH52005731	Trần Lê Minh Duy	D20_TH09	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
889	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
890	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam Dương	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
891	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
892	DH52005745	Cao Tiên Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
893	DH52005049	Đặng Ngọc Giàu	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
894	DH52005778	Trần Đức Hải	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
895	DH52005800	Phạm Thị Diệu Hiền	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
896	DH52005804	Mai Chí Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
897	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	5	-	0.5	-	-	-	4.5	-	-	5
898	DH52005810	Nguyễn Phi Hiếu	D20_TH09	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
899	DH52005825	Mai Việt Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
900	DH52005827	Nguyễn Văn Hoàng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
901	DH52006575	Lâm Tuấn Khoa	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
902	DH52005904	Nguyễn Đăng Khoa	D20_TH09	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
903	DH52005923	Phạm Võ Hiếu Lễ	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
904	DH52005055	Nguyễn Phú Minh Minh	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
905	DH52005955	Võ Việt Mỹ	D20_TH09	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
906	DH52005030	Lê Thanh Nam	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
907	DH52005383	Đặng Thị Kim Ngân	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
908	DH52005977	Nguyễn Ngọc Nghĩa	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
909	DH52006017	Nguyễn Ngọc Phi	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
910	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	4.5	0.5	0.5	-	-	-	3.5	-	-	5.5
911	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	4	0.5	0.5	-	-	-	3	-	-	6
912	DH52006105	Võ Đặng Phúc Tấn	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
913	DH52006159	Võ Đức Thanh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
914	DH52007181	Châu Thị Thu Thảo	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
915	DH52006169	Lê Chí Thắng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
916	DH52006178	Trần Ngọc Thê	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
917	DH52006111	Phan Đức Tiến	D20_TH09	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
918	DH52006116	Vũ Minh Tiến	D20_TH09	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
919	DH52006119	Nguyễn Chí Tín	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
920	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo Trân	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
921	DH52006221	Ngô Đình Triều	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
922	DH52006228	Nguyễn Thành Trung	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
923	DH52006236	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
924	DH52006237	Nguyễn Trần Vân Uyên	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
925	DH52005666	Phan Văn An	D20_TH10	7	-	-	-	3	-	4	-	-	3





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
988	DH52006825	Vũ Thị Phương Thanh	D20_TH11	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
989	DH52007161	Phạm Duy Thắng	D20_TH11	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
990	DH52007101	Trần Văn Quốc Thắng	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
991	DH52007002	Nguyễn Phước Thịnh	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
992	DH52007012	Nguyễn Võ Tiến	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
993	DH52006741	Lại Văn Toàn	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
994	DH52006618	Trần Minh Trung	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
995	DH52006707	Lê Thanh Tuấn	D20_TH11	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
996	DH52006712	Nguyễn Việt Tuấn	D20_TH11	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
997	DH52007424	Ôn Tăng Gia Vĩ	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
998	DH52006610	Huỳnh Nhật Vương	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
999	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhựt ý	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
1000	DH92006961	Vũ Thị Yên Bình	D20_TK1TD	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1001	DH92001549	Tô Nguyễn Hoàng Khánh Duy	D20_TK1TD	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1002	DH92004064	Phan Kiệt Đức	D20_TK1TD	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1003	DH92003411	Nguyễn Minh Hiền	D20_TK1TD	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1004	DH92005095	Nguyễn Đình Kỳ	D20_TK1TD	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1005	DH92003595	Lương Hoàng Bảo	D20_TK2TT	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1006	DH92001137	Hồ Trương Quốc Huy	D20_TK2TT	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
1007	DH92000551	Phạm Lê Hoàng Phúc	D20_TK2TT	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1008	DH92003758	Nguyễn Thanh An	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1009	DH92004234	Tý Thiệu Thuận An	D20_TK3DH	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
1010	DH92003267	Lương Quốc Anh	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1011	DH92002704	Nguyễn Hoàng Bích	D20_TK3DH	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1012	DH92003590	Nguyễn Thọ Danh	D20_TK3DH	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
1013	DH92004479	Nguyễn Hữu Hoàng Duy	D20_TK3DH	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1014	DH92002503	Nguyễn Thị Thùy Duyên	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1015	DH92004730	Lê Tiên Đạt	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1016	DH92001095	Trần Ngọc Đăng	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1017	DH92004622	Nguyễn Huỳnh Đức	D20_TK3DH	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1018	DH92004229	Lâm Kim Hậu	D20_TK3DH	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1019	DH92003546	Lương Quốc Huy	D20_TK3DH	16	-	-	-	-	-	16	-	-	0
1020	DH92001810	Nguyễn Đức Huy	D20_TK3DH	11.5	-	-	-	-	-	11.5	-	-	0
1021	DH92002174	Trần Quốc Kha	D20_TK3DH	9	5	-	-	-	-	4	-	-	1
1022	DH92005098	Vũ Đình Khánh	D20_TK3DH	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
1023	DH92000594	Nguyễn Hữu Anh Khoa	D20_TK3DH	19.5	-	-	-	-	-	19.5	-	-	0
1024	DH92001967	Bùi Duy Khương	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1025	DH92001960	Nguyễn Thành Lâm	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1026	DH92005101	Ngô Thị Mỹ Linh	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
1027	DH92006577	Nguyễn Huỳnh Long	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
1028	DH92003044	Nguyễn Thành Luân	D20_TK3DH	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
1029	DH92001441	Nguyễn Hà Phương	D20_TK3DH	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1030	DH92001839	Nguyễn Thị Trà My	D20_TK3DH	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1031	DH92003926	Đỗ Trọng Nam	D20_TK3DH	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
1032	DH92000862	Phan Thành Nghiệp	D20_TK3DH	8	5	-	-	-	-	3	-	-	2
1033	DH92005113	Tô Hoài Nhi	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1034	DH92004846	Trần Hoài Nhi	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1035	DH92003983	Lê Tấn Phước	D20_TK3DH	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1036	DH92005122	Trần Văn Quân	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1037	DH92004475	Nguyễn Hoàng Sang	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1038	DH92004025	Ngô Chí Tài	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1039	DH92004800	Bùi Doãn Phương Thảo	D20_TK3DH	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
1040	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng Thắm	D20_TK3DH	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
1041	DH92002387	Lê Việt Thiện	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1042	DH92004723	Lê Hồng Thơm	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1043	DH92000017	Phạm Thị Kim Thùy	D20_TK3DH	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1044	DH92003307	Nguyễn Thị Anh Thư	D20_TK3DH	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
1045	DH92005148	Lê Thị Ngọc Trâm	D20_TK3DH	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1046	DH92004078	Nguyễn Tuấn Trung	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
1047	DH92001853	Hồ Văn Tuấn	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1048	DH92006144	Trần Anh Tuấn	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1049	DH92005153	Võ Thanh Vân	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1081	DH62001530	Nguyễn Thị Thanh Tâm	D20_TP01	3	-	-	-	-	-	2	-	1	7
1082	DH62003916	Dương Trung Tính	D20_TP01	4	-	-	-	-	-	3	-	1	6
1083	DH62000724	Lê Thị Quế Trân	D20_TP01	24.5	22	-	-	-	-	1.5	-	1	0
1084	DH62003273	Nguyễn Thị Kim Tuyền	D20_TP01	2.5	-	-	-	-	-	1.5	-	1	7.5
1085	DH62007220	Trương Huỳnh Thị An	D20_TP02	2.5	-	-	-	-	-	1.5	-	1	7.5
1086	DH62006441	Trần Thị Mộng Cẩm	D20_TP02	4	-	-	-	-	-	2.5	-	1.5	6
1087	DH62004754	Trương Tô Dân	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1088	DH62006450	Phạm Quốc Đạt	D20_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1089	DH62007278	Trần Kiến Hào	D20_TP02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1090	DH62006455	Dương Đình Quốc Huy	D20_TP02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1091	DH62007013	Nguyễn Văn Khoa	D20_TP02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1092	DH62004798	Nguyễn Kim Ngân	D20_TP02	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
1093	DH62006642	Nguyễn Thị Kim Ngân	D20_TP02	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
1094	DH62004857	Nguyễn Anh Quân	D20_TP02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1095	DH62004814	Trần Tú Quyên	D20_TP02	3.5	-	0.5	-	-	-	2	1	-	6.5
1096	DH62006496	Võ Thị Kim Thanh	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1097	DH62006493	Nguyễn Trung Tín	D20_TP02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1098	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	D20_TP02	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
1099	DH62006514	Trần Thanh Vy	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1100	DH62007265	Bùi Phi Yến	D20_TP02	3.5	-	0.5	-	-	-	1.5	-	1.5	6.5
1101	DH42000726	Nguyễn Quốc Bảo Anh	D20_VT01	1.5	-	0.5	-	1	-	-	-	-	8.5
1102	DH42003523	Trần Hoàng Ân	D20_VT01	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1103	DH42001617	Trần Quốc Bình	D20_VT01	10.5	-	0.5	-	-	-	9	-	1	0
1104	DH42002288	Lê Kim Quý	D20_VT01	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
1105	DH42006426	Nguyễn Minh Dũng	D20_VT02	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
1106	DH42006428	Nguyễn Tất Đạt	D20_VT02	2.5	-	-	-	-	-	1.5	-	1	7.5
1107	DH42006430	Trần Quốc Kiệt	D20_VT02	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1108	DH42004257	Võ Tân Phát	D20_VT02	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
1109	DH42006437	Lê Anh Toàn	D20_VT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1110	DH82003709	Bùi Thế Anh	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1111	DH82002089	Nguyễn Nhật Duy	D20_XD01	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1112	DH82000207	Võ Hải Đăng	D20_XD01	5	-	-	2	-	-	3	-	-	5
1113	DH82003406	Ngô Hoàng Hà	D20_XD01	13.5	8	-	2	-	-	3.5	-	-	0
1114	DH82003400	Nguyễn Hoàng Hào	D20_XD01	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1115	DH82003586	Ng Hoàng Trung Hiền	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1116	DH82002028	Lê Bá Hồng	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1117	DH82003179	Hồ Nguyễn Tường Huy	D20_XD01	5	-	-	2	-	-	3	-	-	5
1118	DH82003093	Hồ Phát Huy	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1119	DH82000786	Dương Võ Duy Khánh	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1120	DH82003529	Nguyễn Lê Nhật Khánh	D20_XD01	9	8	-	-	-	-	1	-	-	1
1121	DH82000367	Nguyễn Minh Khôi	D20_XD01	11.5	8	-	2	-	-	1.5	-	-	0
1122	DH82002131	Nguyễn Minh Mẫn	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1123	DH82000954	Đặng Văn Nghĩa	D20_XD01	11	8	-	2	-	-	1	-	-	0
1124	DH82003043	Châu Trọng Nhân	D20_XD01	12	8	-	2	-	-	2	-	-	0
1125	DH82002908	Nguyễn Thị Quỳnh Như	D20_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1126	DH82003565	Đoàn Minh Phát	D20_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1127	DH82002047	Nguyễn Hoàng Phi	D20_XD01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1128	DH82001375	Trần Hoàng Việt Phong	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1129	DH82003553	Ngô Thái Quốc	D20_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1130	DH82002576	Trương Đỗ Quyên	D20_XD01	5	-	-	2	-	-	3	-	-	5
1131	DH82000618	Vũ Văn Quyền	D20_XD01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1132	DH82003608	Trần Quốc Thái	D20_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1133	DH82003767	Bá Đại Trung Thành	D20_XD01	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5
1134	DH82000097	Lê Võ Minh Thiện	D20_XD01	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1135	DH82002116	Võ Minh Thuận	D20_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1136	DH82000502	Huỳnh Hữu Tính	D20_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1137	DH82003599	Nguyễn Lê Thị Đoan	D20_XD01	13.5	8	-	2	-	-	3.5	-	-	0
1138	DH82002434	Hồ Thị Bích Trâm	D20_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1139	DH82002987	Nguyễn Ngọc Văn	D20_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1140	DH82003915	Đặng Minh Châu	D20_XD02	9.5	8	-	-	-	-	1.5	-	-	0.5
1141	DH82004522	Từ Thừa Chí	D20_XD02	11.5	8	-	-	-	-	2	-	1.5	0
1142	DH82001516	Bùi Thanh Danh	D20_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1143	DH82004746	Thái Huy Dũng	D20_XD02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1144	DH82004406	Nguyễn Văn út Em	D20_XD02	4	-	-	-	-	-	2.5	-	1.5	6
1145	DH82006525	Nguyễn Trung Hậu	D20_XD02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1146	DH82006532	Trịnh Lý Hùng	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1147	DH82004100	Cao Nam Khánh	D20_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1148	DH82006542	Võ Thanh Lộc	D20_XD02	4	-	-	-	-	-	2.5	-	1.5	6
1149	DH82004539	Hà Nhật Minh	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1150	DH82006544	Lê Thị Kiều My	D20_XD02	2	-	-	-	-	-	0.5	-	1.5	8
1151	DH82004148	Võ Trung Nam	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1152	DH82006550	Nguyễn Minh Phúc	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1153	DH82004051	Nguyễn Nhật Trường	D20_XD02	8.5	8	-	-	-	-	0.5	-	-	1.5
1154	DH82007215	Trần Minh Quân	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1155	DH82004118	Lê Phạm Tấn Tài	D20_XD02	13.5	11	-	-	-	-	2.5	-	-	0
1156	DH82003508	Phạm Quyết Thắng	D20_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1157	DH82004484	Phạm Hồ Bảo Tiến	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1158	DH82004040	Nguyễn Ngọc Tuấn	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1159	DH82006564	Nguyễn Minh Việt	D20_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1160	DH12107793	Nguyễn Hoài An	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1161	DH12112144	Nguyễn Văn Bảo	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1162	DH11903227	Lê Quang Bình	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1163	DH12112147	Nguyễn Đình Quốc Bình	D21_CDTU01	17.5	10	-	-	-	-	7.5	-	-	0
1164	DH12105772	Lê Tuấn Cảnh	D21_CDTU01	17.5	12	1.5	-	-	-	4	-	-	0
1165	DH12108494	Nguyễn Chí Cường	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1166	DH12106467	Hứa Thành Danh	D21_CDTU01	11.5	8	1	-	-	-	2.5	-	-	0
1167	DH12108389	Trần Lê Bảo Duy	D21_CDTU01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1168	DH12102119	Nguyễn Thái Dương	D21_CDTU01	5.5	1	-	-	-	-	4.5	-	-	4.5
1169	DH12112167	Nguyễn Phương Đông	D21_CDTU01	53	45.5	-	-	-	-	7.5	-	-	0
1170	DH12109192	Phạm Thiên Đức	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1171	DH12100759	Trương Tấn Giàu	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1172	DH12112177	Dương Văn Hậu	D21_CDTU01	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
1173	DH12112183	Trần Trung Hiếu	D21_CDTU01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1174	DH12100327	Trần Sơn Hòa	D21_CDTU01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1175	DH12109243	Trịnh Việt Hoàng	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1176	DH12108327	Nguyễn Huy Hùng	D21_CDTU01	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
1177	DH12107857	Phạm Thành Hưng	D21_CDTU01	13.5	7	-	-	-	-	6.5	-	-	0
1178	DH12109144	Đoàn Đăng Khoa	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1179	DH12102724	Võ Tấn Kiệt	D21_CDTU01	15.5	7	-	-	-	-	8.5	-	-	0
1180	DH12112213	Phạm Quang Nghị	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1181	DH12109057	Nguyễn Nhân	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1182	DH12112224	Trần Nguyễn Tấn Phát	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1183	DH12103669	Nguyễn Thiên Phong	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1184	DH12112230	Hà Văn Phước	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1185	DH12114334	Hoàng Đức Quân	D21_CDTU01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1186	DH12112234	Nguyễn Thanh Sang	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1187	DH12112236	Nguyễn Thanh Sơn	D21_CDTU01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1188	DH12103445	Lê Minh Tài	D21_CDTU01	55	45	-	-	-	-	7.5	-	3	0
1189	DH12112243	Trần Thanh Tài	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1190	DH12114446	Mai Hữu Thịnh	D21_CDTU01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1191	DH12112253	Phan Gia Thức	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1192	DH12114699	Phan Thanh Toàn	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1193	DH12103113	Đặng Hữu Trí	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1194	DH12112259	Quách Minh Trí	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1195	DH12100952	Trần Minh Trung	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1196	DH12105838	Đoàn Duy Tuấn	D21_CDTU01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1197	DH12102241	Dương Phúc Tuệ	D21_CDTU01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
1198	DH62104493	Nguyễn Thị Ngọc Anh	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1199	DH62104781	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	D21_CNTP01	29.5	-	-	-	-	-	29.5	-	-	0
1200	DH62104012	Phạm Ngọc ánh	D21_CNTP01	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
1201	DH62112875	Đinh Ngọc Quý Ân	D21_CNTP01	4	-	-	-	1	-	3	-	-	6
1202	DH62108208	Trần Huy Bình	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1203	DH62112498	Văn Nhất Bảo Châu	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
1204	DH62112503	Lê Nguyễn Hoàng Duy	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1205	DH62112505	Dương Thị Thùy Dương	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1206	DH62105110	Phạm Phương Đại	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1207	DH62112517	Đường Kim Hoàng	D21_CNTP01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1208	DH62109152	Nguyễn Thanh Hoàng	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1209	DH62112518	Nguyễn Ngọc Hồ	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1210	DH62114413	Trần Thái Huân	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1211	DH62112519	Lê Gia Huy	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1212	DH62112522	Lê Thụy Minh Hương	D21_CNTP01	2.5	-	-	-	1	-	1.5	-	-	7.5
1213	DH62100784	Thái Huy Khiêm	D21_CNTP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1214	DH62101152	Vũ Minh Khôi	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1215	DH62108791	Lê Công Lập	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1216	DH62112530	Dương Thị Ngọc Linh	D21_CNTP01	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
1217	DH62112531	Dương Trúc Linh	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1218	DH62113770	Hoàng Khánh Linh	D21_CNTP01	2.5	-	-	-	1	-	1.5	-	-	7.5
1219	DH62100684	Lê Thị Phương Linh	D21_CNTP01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
1220	DH62101362	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_CNTP01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1221	DH62107455	Nguyễn Vũ Cẩm Linh	D21_CNTP01	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
1222	DH62107798	Võ Thị Hồng Linh	D21_CNTP01	9.5	1	-	-	-	-	8.5	-	-	0.5
1223	DH62112535	Trần Thị Ngọc Mai	D21_CNTP01	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
1224	DH62104097	Lê Văn Hồng Mạnh	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1225	DH62101491	Lê Thị Diễm My	D21_CNTP01	33	19	-	-	-	-	14	-	-	0
1226	DH62100151	Huỳnh Thị Ly Na	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1227	DH62112546	Hồ Thị Kim Ngân	D21_CNTP01	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
1228	DH62112548	Lê Thanh Ngân	D21_CNTP01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1229	DH62112551	Trịnh Ngô Bảo Nghi	D21_CNTP01	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
1230	DH62112552	Tiêu Quang Nghĩa	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1231	DH62112554	Nguyễn Thị Như Ngọc	D21_CNTP01	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
1232	DH62109225	Trần Thị Huỳnh Như	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1233	DH62107988	Hứa Chấn Phong	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1234	DH62006074	Nguyễn Hoàng Sĩ	D21_CNTP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1235	DH62105062	Lê Đặng Phương Thảo	D21_CNTP01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5







STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1329	DH72109728	Đỗ Trọng Nguyên Giáp	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1330	DH72109741	Bành Gia Hạnh	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1331	DH72106989	Nguyễn Trung Hiếu	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1332	DH72109811	Huỳnh Huy Hoàng	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1333	DH72109833	Nguyễn Phi Hùng	D21_KD02	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
1334	DH72109854	Võ Thị Như Huỳnh	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1335	DH72109876	Lê Tuấn Khanh	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1336	DH72109886	Võ Hoài Kim Khánh	D21_KD02	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
1337	DH72113132	Nguyễn Anh Khuyên	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1338	DH72109899	Phạm Anh Kiệt	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1339	DH72109951	Mai Thiên Lộc	D21_KD02	4	0.5	0.5	-	-	-	3	-	-	6
1340	DH72114701	Trần Nhật Minh	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1341	DH72114677	Võ Tuyền Ngọc Minh	D21_KD02	3.5	-	-	-	3	-	0.5	-	-	6.5
1342	DH72109998	Trần Thị Hải My	D21_KD02	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1343	DH72110001	Ngô Gia Mỹ	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1344	DH72114707	Phạm Gia Mỹ	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1345	DH72107014	Cao Nguyễn Thị Thùy	D21_KD02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1346	DH72114624	Đổng Thị Như My	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1347	DH72110017	Lê Thanh Ngân	D21_KD02	5.5	-	0.5	4	-	-	1	-	-	4.5
1348	DH72110026	Nguyễn Thị Phương Ngân	D21_KD02	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
1349	DH72114566	Võ Thảo Nguyên	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1350	DH72113509	Phan Thị Phương Nhi	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1351	DH72101504	Phạm Văn Phú	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1352	DH72110146	Nguyễn Việt Phúc	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1353	DH72110157	Văn Thị Thu Phương	D21_KD02	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
1354	DH72110190	Lương Mạnh Quyền	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1355	DH72110235	Nguyễn Huỳnh Tiên Thành	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1356	DH72100660	Lê Hoàng Thông	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1357	DH72110300	Nguyễn Đặng Thùy Phương	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1358	DH72110315	Nguyễn Điều Minh Thư	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1359	DH72114600	Phạm Nguyễn Anh Thư	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1422	DH72114633	Võ Trương Hà Tiên	D21_MAR01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1423	DH72104618	Trần Lê Huỳnh Tính	D21_MAR01	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
1424	DH72004530	Đàm Hải Thảo Trang	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1425	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1426	DH72103713	Trần Hoàng Thanh Trúc	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1427	DH72102380	Mai Cẩm Tú	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1428	DH72105261	Trần Thị Cẩm Tú	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1429	DH72114068	Nguyễn Vũ Như Uyên	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1430	DH72108693	Trần Ngọc Bảo Uyên	D21_MAR01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1431	DH72114482	Hà Thái Vinh	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1432	DH72108738	Đỗ Nguyễn Tường Vy	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1433	DH72106112	Nguyễn Thụy Thanh Vy	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1434	DH72103582	Văn Minh Khánh Vy	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1435	DH72114297	Đào Thị ánh Xuân	D21_MAR01	1.5	-	-	-	1	-	0.5	-	-	8.5
1436	DH72109593	Trần Nguyễn Duy An	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1437	DH72109636	Trương Nguyễn Gia Bảo	D21_MAR02	1.5	1	-	-	-	-	0.5	-	-	8.5
1438	DH72109644	Nguyễn Thị Chân	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1439	DH72113327	Lê Phúc Cường	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1440	DH72109663	Đỗ Tiến Danh	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1441	DH72109693	Nguyễn Thị Trúc Dương	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1442	DH72109714	Nguyễn Hồ Minh Đức	D21_MAR02	13	7	-	-	-	-	6	-	-	0
1443	DH72109717	Lê Thị Hồng Gấm	D21_MAR02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1444	DH72109726	Võ Trường Giang	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1445	DH72109727	Lê Thị Quỳnh Giao	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1446	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy Hằng	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1447	DH72109755	Phan Thị Thu Hằng	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1448	DH72109770	Thái Gia Hân	D21_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1449	DH72110909	Nguyễn Trần Minh Hiếu	D21_MAR02	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
1450	DH72101001	Phạm Thị Kim Hồng	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1451	DH72109829	Đỗ Lê Quốc Hùng	D21_MAR02	21	15	-	-	-	-	6	-	-	0
1452	DH72109848	Võ Đức Huy	D21_MAR02	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1453	DH72109857	Nguyễn Huỳnh Tuấn Hưng	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1454	DH72114052	Phạm Quốc Kiệt	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1455	DH72113783	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D21_MAR02	2	0.5	-	1	-	-	0.5	-	-	8
1456	DH72109934	Nguyễn Thị Trúc Linh	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1457	DH72109946	Nguyễn Ngọc Hồng Loan	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1458	DH72113534	Phạm Thị Kiều Loan	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1459	DH72114493	Trương Thanh Long	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1460	DH72109952	Nguyễn Dương Tấn Lộc	D21_MAR02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
1461	DH72109090	Trương Thị Trúc Ly	D21_MAR02	11.5	11	-	-	-	-	0.5	-	-	0
1462	DH72108938	Hồ Hoàng Mến	D21_MAR02	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
1463	DH72109989	Nguyễn Gia Minh	D21_MAR02	10	7.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
1464	DH72109069	Nguyễn Ngọc Thảo My	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1465	DH72109996	Nguyễn Võ Trà My	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1466	DH72107606	Đoàn Thị Minh Nga	D21_MAR02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1467	DH72110009	Lê Nguyễn Nga	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1468	DH72105146	Đàng Thị Tuyết Ngân	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1469	DH72104592	Hồ Vũ Hồng Nhi	D21_MAR02	32	30	-	-	-	-	2	-	-	0
1470	DH72110105	Trương Hồng Nhung	D21_MAR02	38	34.5	-	-	-	-	3.5	-	-	0
1471	DH72113529	Hoàng Lê Tâm Như	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1472	DH72108716	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1473	DH72110122	Lê Trần Han Ny	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1474	DH72108868	Lê Cao Tín Phát	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1475	DH72110133	Phạm Hoàng Nhật Phi	D21_MAR02	38.5	35	-	-	-	-	3.5	-	-	0
1476	DH72113151	Phạm Lê Bảo Phúc	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1477	DH72110156	Trần Thị Thu Phương	D21_MAR02	8.5	2.5	0.5	-	2	-	3.5	-	-	1.5
1478	DH72110167	Lê Hải Quân	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1479	DH72108948	Lê Hồng Quân	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1480	DH72114242	Lê Nguyễn Đình Quân	D21_MAR02	27	24	-	-	-	-	3	-	-	0
1481	DH72110185	Phan Thị Ngọc Quyên	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1482	DH72110189	Võ Thị Hoàn Quyên	D21_MAR02	11.5	6	-	-	-	-	5.5	-	-	0
1483	DH72110206	Phạm Ngọc Hương Quỳnh	D21_MAR02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1515	DH72106063	Lưu Trọng Đức	D21_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1516	DH72109086	Võ Minh Đức	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1517	DH72106531	Phạm Thị Trúc Giang	D21_MAR03	32.5	-	-	-	-	-	32.5	-	-	0
1518	DH72104735	Nguyễn Thị Thu Hằng	D21_MAR03	18	18	-	-	-	-	-	-	-	0
1519	DH72105248	Trần Thị Thúy Hằng	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1520	DH72104586	Trần Yến Hằng	D21_MAR03	17	17	-	-	-	-	-	-	-	0
1521	DH72101097	Nguyễn Hà Ngọc Hiền	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1522	DH72105267	Nguyễn Trung Hiếu	D21_MAR03	17	17	-	-	-	-	-	-	-	0
1523	DH72101261	Nguyễn Tấn Huy	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1524	DH72100009	Lê An Khang	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1525	DH72101210	Trần Gia Khang	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1526	DH72106576	Trần Bình Khiêm	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1527	DH72104606	Huỳnh Anh Khoa	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1528	DH72108219	Nguyễn Đăng Khoa	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1529	DH72106975	Lê Thị Mộng Kiều	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1530	DH72107482	Lưu Thị Thúy Kiều	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1531	DH72107738	Nguyễn Hoàng Lâm	D21_MAR03	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
1532	DH72107495	Nguyễn Hoàng Phi Lâm	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1533	DH72108617	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1534	DH72102017	Trần Thị Mỹ Linh	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1535	DH72103845	Nguyễn Trần Bích Loan	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1536	DH72101577	Cao Hữu Lộc	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1537	DH72107876	Phạm Tấn Lộc	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1538	DH72106110	Vũ Hiền Lương	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1539	DH72107590	Trương Hải Mi	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1540	DH72107438	Chung Nguyễn Cao Minh	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1541	DH72106737	Nguyễn Thị Tuyết Nga	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
1542	DH72107376	Nguyễn Ngọc Nguyên	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1543	DH72107042	Trần Hiếu Nhân	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1544	DH72106446	Võ Ngọc Yến Nhi	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1545	DH72107464	Trương Đình Nhật Quân	D21_MAR03	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9











STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1701	DH72110389	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trinh	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1702	DH72113359	Lê Diệp Thanh Trúc	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1703	DH72110410	Đặng Bảo Ngọc Trung	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1704	DH72114563	Nguyễn ánh Tuyết	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1705	DH72110458	Mai Thị Phương Uyên	D21_MAR05	5	-	-	5	-	-	-	-	-	5
1706	DH72110472	Phạm Lê Thảo Vân	D21_MAR05	4	0.5	-	2	-	-	1.5	-	-	6
1707	DH72110478	Tiết Khánh Vi	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1708	DH72110480	Trương Nguyễn Thúy Vi	D21_MAR05	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1709	DH72110495	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1710	DH72110496	Nguyễn Ngọc Phương Vy	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1711	DH72110499	Nguyễn Trúc Vy	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1712	DH72110515	Bùi Thị Yến	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1713	DH12112146	Võ Gia Bảo	D21_ROAI01	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
1714	DH12108151	Nguyễn Đức Dũng	D21_ROAI01	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
1715	DH12112169	Nguyễn Hoàng Đức	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1716	DH12107275	Nguyễn Văn Hậu	D21_ROAI01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1717	DH12112188	Nguyễn Hồ Gia Huy	D21_ROAI01	7	2	-	-	-	-	5	-	-	3
1718	DH12114131	Trịnh Hoàng Hưng	D21_ROAI01	4	4	-	-	-	-	-	-	-	6
1719	DH12105928	Lâm Gia Lạc	D21_ROAI01	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
1720	DH12114290	Phạm Đình Lâm	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1721	DH12006319	Nguyễn Hoàng Phương Phi	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1722	DH12114220	Tô Minh Quang	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1723	DH12114530	Nguyễn Kim Quốc	D21_ROAI01	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
1724	DH12101484	Trần Xuân Quý	D21_ROAI01	3.5	-	-	-	-	-	0.5	-	3	6.5
1725	DH12103680	Nguyễn Chí Tài	D21_ROAI01	4.5	1	-	-	-	-	1.5	-	2	5.5
1726	DH12112242	Trần Minh Tài	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1727	DH12112251	Lê Vĩnh Thuận	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1728	DH12108814	Nguyễn Hồng Thuận	D21_ROAI01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1729	DH72106627	Nguyễn Hồng Anh	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1730	DH72105313	Đặng Minh Chí	D21_TC01	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
1731	DH72100229	Đoàn Phương Dung	D21_TC01	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1732	DH72106776	Lê Dương Ngọc Dung	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1733	DH72104544	Lê Quỳnh Giang	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1734	DH72107465	Lê Nhật Hào	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1735	DH72102489	Huỳnh Thị Hiếu Hân	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1736	DH72107145	Vũ Thị Tuyết Hậu	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1737	DH72108370	Đình Thị Kim Hiền	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1738	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh Hoa	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1739	DH72106053	Trần Vũ Quang Huy	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1740	DH72106395	Nguyễn Thanh Hương	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1741	DH72105152	Lê Tuấn Kiệt	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1742	DH72105969	Huỳnh Đông Lai	D21_TC01	10	-	2	3	-	5	-	-	-	0
1743	DH72100479	Võ Thị Hoàng Lan	D21_TC01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
1744	DH72100546	Phạm Thị Kim Loan	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1745	DH72106716	Nguyễn Đoàn Đức Mạnh	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1746	DH72107444	Nguyễn Thị Kiều Mến	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1747	DH72100105	Lê Thị Thùy Ngân	D21_TC01	17.5	17.5	-	-	-	-	-	-	-	0
1748	DH72100758	Lê Thị Hồng Ngọc	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1749	DH72107357	Lê Thị Kim Ngọc	D21_TC01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1750	DH72107770	Lữ Như Ngọc	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1751	DH72105117	Trần Hồng Ngọc	D21_TC01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
1752	DH72108273	Nguyễn Ngọc Nguyên	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1753	DH72106570	Trần Tài Nguyên	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1754	DH72106518	Lê Trương Thảo Nhi	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1755	DH72106578	Mai Thị Tuyết Nhi	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1756	DH72107781	Phạm Dương Uyên Nhi	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1757	DH72108537	Nguyễn Thị Hồng Nhung	D21_TC01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
1758	DH72107432	Lê Huỳnh Như	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1759	DH72105571	Ngô Tấn Phát	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1760	DH72108817	Nguyễn Đào Gia Phụng	D21_TC01	18.5	18	-	-	-	-	0.5	-	-	0
1761	DH72101483	Phan Hồng Phương	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1762	DH72103201	Lê Thị Huỳnh Quanh	D21_TC01	3	0.5	-	-	-	-	0.5	2	-	7

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1763	DH72106532	Lê Minh Quân	D21_TC01	5	-	0.5	-	-	-	4.5	-	-	5
1764	DH72105951	Lê Hữu Tâm	D21_TC01	6	-	0.5	-	-	-	5.5	-	-	4
1765	DH72100024	Phạm Nguyễn Vĩ Thái	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1766	DH72100260	Đặng Ngọc Hiếu Thảo	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1767	DH72107492	Lê Thị Huỳnh Thắm	D21_TC01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1768	DH72108600	Bùi Quang Thiện	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1769	DH72100257	Trương Kim Thơ	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1770	DH72105123	Lê Thị Minh Thùy	D21_TC01	11.5	5.5	-	-	-	-	6	-	-	0
1771	DH72101214	Đoàn Thị Vy Thư	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1772	DH72108780	Nguyễn Hồng Thư	D21_TC01	24.5	18.5	2	-	-	-	4	-	-	0
1773	DH72101550	Nguyễn Cẩm Tiên	D21_TC01	25.5	19.5	2	-	-	-	4	-	-	0
1774	DH72106636	Nguyễn Hữu Toàn	D21_TC01	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
1775	DH72100536	Phan Nguyễn Hương Trang	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1776	DH72108232	Triệu Thị Trang	D21_TC01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1777	DH72106705	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1778	DH72106215	Nguyễn Thanh Trúc	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1779	DH72107470	Lê Thị Ngọc Tú	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1780	DH72100764	Nguyễn Thanh Tú	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1781	DH72101033	Huỳnh Thị ánh Tuyết	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1782	DH72103586	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tuyết	D21_TC01	3	-	1	1	-	-	1	-	-	7
1783	DH72104049	Cao Ngọc Thảo Uyên	D21_TC01	3	-	1	1	-	-	1	-	-	7
1784	DH72107469	Võ Hồng Vân	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1785	DH72101581	Trần Quang Vinh	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1786	DH72108739	Lê Thị Phương Vy	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1787	DH72113234	Nguyễn Hồ Bảo Anh	D21_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1788	DH72109617	Phan Huế Anh	D21_TC02	17.5	-	-	-	-	-	17.5	-	-	0
1789	DH72100109	Nguyễn Thị Trung ánh	D21_TC02	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
1790	DH72100553	Nguyễn Tuấn Bảo	D21_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1791	DH72109661	Nguyễn Phi Cường	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1792	DH72113335	Lê Thụy Ngọc Diễm	D21_TC02	4.5	-	-	1	-	-	3.5	-	-	5.5
1793	DH72100683	Ngô Thị Thùy Dung	D21_TC02	2.5	0.5	0.5	-	-	-	1.5	-	-	7.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1794	DH72109072	Phạm Thị Mỹ Dung	D21_TC02	18	5	-	1	-	-	12	-	-	0
1795	DH72109676	Nguyễn Hoàng Duy	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1796	DH72110727	Đỗ Nguyễn Nhựt Dương	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1797	DH72100026	Đào Trọng Đạt	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1798	DH72103098	Đỗ Tuấn Đạt	D21_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1799	DH72109748	Nguyễn Quang Hào	D21_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1800	DH72109768	Phạm Bửu Hân	D21_TC02	10.5	5.5	-	-	-	-	5	-	-	0
1801	DH72109787	Trần Thị Hiền	D21_TC02	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
1802	DH72100459	Nguyễn Ngô Trung Hiếu	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1803	DH72109796	Âu Mỹ Hoa	D21_TC02	5.5	-	-	5	-	-	0.5	-	-	4.5
1804	DH72114177	Mai Huỳnh Huy	D21_TC02	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
1805	DH72109841	Nguyễn Minh Nhật Huy	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1806	DH72001799	Nguyễn Thanh Huy	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1807	DH72105212	Nguyễn Thị Phươg Huyền	D21_TC02	84.5	54	-	-	-	-	29	-	2	0
1808	DH72114167	Hà Hữu Thiên Kim	D21_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1809	DH72109903	Lê Võ Hoàng Kim	D21_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1810	DH72100728	Nguyễn Ngọc Lâm	D21_TC02	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
1811	DH72112860	Huỳnh Lê	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1812	DH72109914	Đình Thanh Liêm	D21_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1813	DH72109919	Chung Hoàng Linh	D21_TC02	5.5	0.5	-	3	-	-	2	-	-	4.5
1814	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương Linh	D21_TC02	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9
1815	DH72101708	Trần Gia Khánh Linh	D21_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1816	DH72109940	Trần Thị Mỹ Linh	D21_TC02	5.5	-	-	5	-	-	0.5	-	-	4.5
1817	DH72114652	Kiều Doãn Lưu	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1818	DH72109973	Đỗ Thị Thanh Mai	D21_TC02	14.5	0.5	-	12	-	-	1	1	-	0
1819	DH72114739	Phạm Đăng Hiếu Ngân	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1820	DH72114362	Nguyễn Thị Bích Ngọc	D21_TC02	27	0.5	-	-	-	-	26.5	-	-	0
1821	DH72110045	Trần ái Ngọc	D21_TC02	14.5	-	-	13	-	-	0.5	1	-	0
1822	DH72110052	Nguyễn Thảo Nguyên	D21_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1823	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	D21_TC02	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
1824	DH72101568	Trần Đức Nhiên	D21_TC02	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1825	DH72110127	Nguyễn Thành Phát	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1826	DH72103364	Nguyễn Thị Thu Phương	D21_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1827	DH72110175	Hoàng Gia Anh Quốc	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1828	DH72101551	Nguyễn Minh Quý	D21_TC02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1829	DH72111678	Phan Lương Sỹ	D21_TC02	66	34	1	-	-	-	30	1	-	0
1830	DH72100336	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	D21_TC02	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
1831	DH72110233	Phạm Trần Văn Thanh	D21_TC02	16	5.5	-	-	-	-	10.5	-	-	0
1832	DH72111828	Nguyễn Duy Thoại	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1833	DH72114628	Lê Hoàng Thụ	D21_TC02	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
1834	DH72112824	Lê Thị Mỹ Tiên	D21_TC02	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
1835	DH72100135	Nguyễn Thị Thùy Tiên	D21_TC02	3.5	0.5	-	-	-	-	3	-	-	6.5
1836	DH72110337	Nguyễn Thanh Tiến	D21_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1837	DH72110338	Phạm Quốc Tiến	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1838	DH72110350	Đỗ Thị Đài Trang	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1839	DH72108680	Nguyễn Hữu Trí	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1840	DH72114549	Trần Đình Minh Tuyền	D21_TC02	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
1841	DH72110445	Dư Kim Tuyền	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1842	DH72110467	Huỳnh Ngọc Tuyết Vân	D21_TC02	5	-	-	5	-	-	-	-	-	5
1843	DH72110484	Lê Phan Hoàng Vũ	D21_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1844	DH72114494	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	D21_TC02	5.5	-	-	5	-	-	0.5	-	-	4.5
1845	DH72109592	Phi Lê Ngọc An	D21_TC03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1846	DH72113806	Đường Sở Dinh	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1847	DH72109669	Trịnh Thị Thùy Dung	D21_TC03	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
1848	DH72109712	Nguyễn Thị Thục Đoan	D21_TC03	4	-	0.5	-	-	-	2.5	1	-	6
1849	DH72112889	Nguyễn Thị Kiều Giang	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1850	DH72113038	Lương Nguyễn Dương Hạ	D21_TC03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1851	DH72107534	Nguyễn Gia Hân	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1852	DH72109777	Trần Thị Thu Hậu	D21_TC03	16.5	11.5	-	-	-	-	5	-	-	0
1853	DH72109810	Hồ Huy Hoàng	D21_TC03	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
1854	DH72109813	Nguyễn Thị Kim Hoàng	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1855	DH72109825	Hồ Thị Thanh Huệ	D21_TC03	53.5	39.5	1.5	-	-	-	12.5	-	-	0





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1918	DH32101063	Võ Hoàng Phát	D21_TDH01	6.5	-	-	-	3	-	3.5	-	-	3.5
1919	DH32114081	Nguyễn Thanh Phong	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1920	DH32105449	Hà Đức Phú	D21_TDH01	6.5	-	-	-	3	-	3.5	-	-	3.5
1921	DH32105109	Hà Võ Hoàng Phú	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1922	DH32112380	Nguyễn Thanh Phú	D21_TDH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1923	DH32105505	Nguyễn Hoàng Phúc	D21_TDH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1924	DH32104798	Ngô Trần Quang	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1925	DH32103508	Dương Phú Quý	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1926	DH32108361	Lê Vũ Đình Quý	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1927	DH32103455	Nguyễn Đăng Thành	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1928	DH32112413	Nguyễn Huy Thọ	D21_TDH01	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1929	DH32114554	Nguyễn Anh Tiên	D21_TDH01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1930	DH32112416	Trần Nguyễn Mạnh	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1931	DH32113170	Mai Quốc Triệu	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1932	DH32108245	Dương Minh Trọng	D21_TDH01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1933	DH32114355	Chung Văn Tuấn	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1934	DH32101648	Nguyễn Anh Tuấn	D21_TDH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1935	DH32112427	Nguyễn Anh Tuấn	D21_TDH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1936	DH52101891	Nguyễn Hoài An	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1937	DH52100001	Nguyễn Văn Trường	D21_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1938	DH52104274	Hoàng Trung Việt Anh	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1939	DH52100449	Nguyễn Trần Gia Bảo	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1940	DH52102778	Phạm Ngọc Gia Bảo	D21_TH01	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
1941	DH52102314	Tổng Thanh Bình	D21_TH01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1942	DH52103511	Phạm Hữu Chí	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1943	DH52001026	Phạm Chí Công	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1944	DH52105426	Nguyễn Lê Tiến Dũng	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1945	DH52103137	Phan Tuấn Dũng	D21_TH01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
1946	DH52107115	Nguyễn Thành Đạt	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1947	DH52009028	Phạm Tuấn Đạt	D21_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1948	DH52104319	Lê Văn Điều	D21_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9















STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2166	DH52103223	Nguyễn Công Danh	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2167	DH52106943	Ngô Lê Thành Đạt	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2168	DH52107968	Nguyễn Minh Đức	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2169	DH52106169	Phan Trường Giang	D21_TH05	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
2170	DH52106356	Phạm Nhựt Hào	D21_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2171	DH52108402	Nguyễn Trung Hiếu	D21_TH05	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2172	DH52105978	Phạm Trung Hiếu	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2173	DH52101546	Nguyễn Đức Việt Hoàng	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2174	DH52108376	Đỗ Quốc Huy	D21_TH05	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
2175	DH52108356	Hoàng Gia Huy	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2176	DH52107926	Nguyễn Văn Huy	D21_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2177	DH52102897	Phạm Đặng Thái Hưng	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2178	DH52107579	Nguyễn Huỳnh Kha	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2179	DH52108453	Đình Phạm Phú Khang	D21_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2180	DH52100515	Phạm Nguyễn Đình Khôi	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2181	DH52107510	Võ Trung Kiên	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2182	DH52108592	Huỳnh Khánh Linh	D21_TH05	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
2183	DH52108691	Hoàng Đoàn Nam	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2184	DH52108293	Nguyễn Phạm Hoài Nam	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2185	DH52107414	Nguyễn Thành Nam	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2186	DH52107168	Trần Tấn Nam	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2187	DH52108409	Nguyễn Đình Nhân	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2188	DH52107822	Trần Hiếu Nhi	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2189	DH52100332	Trần Hoàng Phúc	D21_TH05	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
2190	DH52108505	Nguyễn Minh Quân	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2191	DH52105342	Trần Nguyễn Minh Quân	D21_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2192	DH52108033	Võ Ngọc Tấn Tài	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2193	DH52105953	Huỳnh Lê Thanh Tâm	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2194	DH52108081	Trần Như Tân	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2195	DH52111750	Trần Minh Thành	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2196	DH52108018	Nguyễn Quốc Thắng	D21_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2197	DH52105768	Vương Văn Thắng	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2198	DH52111885	Nguyễn Đức Tiến	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2199	DH52001452	Dương Tấn Tín	D21_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2200	DH52108250	Nguyễn Vương Đức Toàn	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2201	DH52105057	Lê Thị Mỹ Trinh	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2202	DH52107301	Trần Duy Trọng	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2203	DH52112873	Lê Minh Tuấn	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2204	DH52112017	Trương Như Quốc Tuấn	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2205	DH52107801	Nguyễn Thanh Vân	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2206	DH52107369	Trần Thế Vũ	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2207	DH52108204	Huyền Thùy Khánh An	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2208	DH52110531	Nguyễn Hoài An	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2209	DH52108862	Hà Trần Hoàng Anh	D21_TH06	5	-	-	-	-	-	3.5	-	1.5	5
2210	DH52108711	Đặng Gia Bảo	D21_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2211	DH52108380	Đoàn Thị Yến Bình	D21_TH06	3	-	-	-	-	-	1.5	-	1.5	7
2212	DH52106866	Trần Thanh Bình	D21_TH06	2	-	0.5	-	-	-	-	-	1.5	8
2213	DH52108563	Nguyễn Quang Chánh	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2214	DH52106768	Nguyễn Văn Công	D21_TH06	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
2215	DH52108777	Trần Quốc Cường	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2216	DH52110678	Lê Duanh	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2217	DH52110694	Đinh Ngọc Trần Duy	D21_TH06	9.5	-	0.5	-	-	-	7.5	-	1.5	0.5
2218	DH52110698	Lê Đức Duy	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2219	DH52100405	Nguyễn Mai Minh Duy	D21_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2220	DH52108143	Nguyễn Xuân Duy	D21_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2221	DH52110726	Bùi Thái ánh Dương	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2222	DH52108444	Đặng Thành Đạt	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2223	DH52108348	Đỗ Thành Đạt	D21_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2224	DH52112771	Phan Văn Đông	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2225	DH52106669	Nguyễn Phan Thành Đông	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2226	DH52108521	Đàm Việt Đức	D21_TH06	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
2227	DH52110816	Đặng Nguyễn Minh Đức	D21_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2228	DH52110818	Lê Huỳnh Đức	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2229	DH52110819	Lý Tuấn Đức	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2230	DH52110836	Nguyễn Hồng Gám	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2231	DH52110839	Lê Thanh Giang	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2232	DH52108855	Phạm Ngọc Hà	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2233	DH52108549	Đặng Thành Hải	D21_TH06	9	-	-	-	-	-	7.5	-	1.5	1
2234	DH52108649	Trần Minh Hải	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2235	DH52108823	Kiều Quang Hiệp	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2236	DH52110891	Nguyễn Hoàng Hiệp	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2237	DH52110894	Trần Ngọc Hiệp	D21_TH06	4	0.5	-	-	-	-	3.5	-	-	6
2238	DH52108573	Phạm Vũ Hòa	D21_TH06	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2239	DH52108662	Huỳnh Huy Hoàng	D21_TH06	4.5	0.5	-	-	-	-	4	-	-	5.5
2240	DH52108164	Huỳnh Triết Hoàng	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2241	DH52108890	Phan Trường Huy	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2242	DH52108236	Phan Anh Kha	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2243	DH52108895	Phạm Vũ Khang	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2244	DH52108673	Lê Vĩnh Kiên	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2245	DH52111166	Nguyễn Trung Kiên	D21_TH06	5.5	-	0.5	-	-	-	3.5	-	1.5	4.5
2246	DH52108929	Kiều Tuấn Kiệt	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2247	DH52108789	Hà Mạnh Lộc	D21_TH06	7	-	-	-	-	-	5.5	-	1.5	3
2248	DH52108397	Nguyễn Trí Lợi	D21_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2249	DH52112910	Tăng Tiến Luân	D21_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2250	DH52108918	Nguyễn Trọng Nghĩa	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2251	DH52108670	Nguyễn Phúc Nguyên	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2252	DH52108695	Trương Minh Nhật	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2253	DH52108889	Đàm Hữu Nhiên	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2254	DH52108788	Nguyễn Thanh Phước	D21_TH06	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2255	DH52108154	Trần Tam Quý	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2256	DH52108834	Huỳnh Tấn Tài	D21_TH06	2	-	-	-	-	-	0.5	-	1.5	8
2257	DH52108872	Tạ Chiêu Tài	D21_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2258	DH52108642	Phan Minh Tân	D21_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2290	DH52110923	Trần Ngọc Hiếu	D21_TH07	1.5	-	0.5	-	-	-	-	1	-	8.5
2291	DH52110952	Đoàn Việt Hoàng	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2292	DH52107895	Mai Hữu Hoàng	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2293	DH52110962	Nguyễn Văn Hoàng	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2294	DH52108953	Trương Đình Hoàng	D21_TH07	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2295	DH52111004	Lâm Thanh Huy	D21_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2296	DH52111008	Lư Tuấn Huy	D21_TH07	3.5	-	-	-	-	-	2	-	1.5	6.5
2297	DH52106176	Nguyễn Minh Huy	D21_TH07	2.5	-	0.5	-	0.5	-	1.5	-	-	7.5
2298	DH52100330	Nguyễn Quang Huy	D21_TH07	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
2299	DH52111033	Nguyễn Thành Huy	D21_TH07	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2300	DH52100713	Lê Anh Khôi	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2301	DH52103218	Hồ Trần Duy Lâm	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2302	DH52108990	Nguyễn Hồ Bảo Long	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2303	DH52103590	Ngô Phước Lộc	D21_TH07	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
2304	DH52108957	Nguyễn Dương Luân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2305	DH52111272	Nguyễn Lê Hoàng Luân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2306	DH52109074	Nguyễn Hoàng Minh	D21_TH07	23	16.5	-	-	-	-	6.5	-	-	0
2307	DH52111321	Trần Hoàng Minh	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2308	DH52109132	Đào Trọng Nhân	D21_TH07	36	24	-	-	-	-	11	-	1.5	0
2309	DH52100989	Lê Phước Vĩnh Chíminh	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2310	DH52109082	Nguyễn Thành Cc Nhị	D21_TH07	35	30	-	-	-	-	2.5	1	1.5	0
2311	DH52109230	Trần Phạm Thanh Phong	D21_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2312	DH52109270	Phùng Kiên Phước	D21_TH07	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2313	DH52111578	Nguyễn Thị Thu Phương	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2314	DH52108750	Phan Thế Quang	D21_TH07	5	-	-	-	-	-	3.5	-	1.5	5
2315	DH52100006	Diệp Nguyễn Anh Quân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2316	DH52104425	Nguyễn Anh Quốc	D21_TH07	3.5	1	-	-	-	-	2.5	-	-	6.5
2317	DH52109172	Nguyễn Thành Sang	D21_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2318	DH52100199	Nguyễn Minh Tân	D21_TH07	15.5	0.5	-	-	-	-	14	-	1.5	0
2319	DH52109129	Phạm Thành Thi	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2320	DH52111843	Bùi Hữu Thuận	D21_TH07	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2321	DH52111911	Phạm Vũ Quỳnh Trang	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2322	DH52106342	Trần Thị Ngọc Tuyền	D21_TH07	4	-	-	-	-	-	2.5	-	1.5	6
2323	DH52104708	Huỳnh Văn Tư	D21_TH07	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
2324	DH52109137	Nguyễn Duy Viễn	D21_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2325	DH52112108	Phan Thanh Vũ	D21_TH07	7.5	0.5	1	-	-	-	6	-	-	2.5
2326	DH52103676	Dương Yến Vy	D21_TH07	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
2327	DH52110534	Nguyễn Mậu An	D21_TH08	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
2328	DH52110549	Lê Nhựt Anh	D21_TH08	7.5	0.5	-	-	-	-	7	-	-	2.5
2329	DH52110583	Quách Chí Ân	D21_TH08	7	0.5	-	-	-	-	6.5	-	-	3
2330	DH52110647	Nguyễn Hoàng Chương	D21_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2331	DH52110671	Võ Thành Danh	D21_TH08	7.5	-	1	-	-	-	6.5	-	-	2.5
2332	DH52110708	Nguyễn Huỳnh Đức	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2333	DH52110738	Trương Thái Dương	D21_TH08	14.5	5.5	-	-	-	-	9	-	-	0
2334	DH52110743	Trần Minh Đại	D21_TH08	6.5	0.5	1	-	-	-	5	-	-	3.5
2335	DH52110759	Lê Nguyễn Quốc Đạt	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2336	DH52110763	Lê Trọng Đạt	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2337	DH52110780	Nguyễn Tấn Đạt	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2338	DH52110786	Tăng Cẩm Đạt	D21_TH08	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2339	DH52110793	Trịnh Phát Đạt	D21_TH08	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
2340	DH52110827	Nguyễn Trần Minh Đức	D21_TH08	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2341	DH52110843	Nguyễn Văn Giang	D21_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2342	DH52113395	Võ Ngọc Hà Giang	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2343	DH52108819	Lê Nhị Thiên Hà	D21_TH08	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
2344	DH52110851	Đỗ Chí Hải	D21_TH08	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
2345	DH52110857	Nguyễn Đăng Hải	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2346	DH52110863	Dương Mẫn Hạnh	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2347	DH52110865	Châu Minh Hào	D21_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2348	DH52110887	Phạm Thế Hiền	D21_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2349	DH52111075	Nguyễn Việt Kha	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2350	DH52111085	Trương Minh Khải	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2351	DH52111086	Dương Trí Khang	D21_TH08	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2352	DH52111098	Mai Nguyễn Duy Khang	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2353	DH52111107	Trần Nhật Khang	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2354	DH52111111	Bùi Ngọc Duy Khánh	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2355	DH52111117	Nguyễn Quốc Khánh	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2356	DH52111132	Hồ Đăng Khoa	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2357	DH52111137	Nguyễn Anh Khoa	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2358	DH52109037	Nguyễn Sĩ Khoa	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2359	DH52111167	Nguyễn Trung Kiên	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2360	DH52113292	Lê Minh Kiệt	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2361	DH52111174	Ngô Tuấn Kiệt	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2362	DH52111204	Trương Văn Liêu	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2363	DH52111209	Huỳnh Lê Nhã Linh	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2364	DH52111240	Nguyễn Việt Long	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2365	DH52111253	Nguyễn Tấn Lộc	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2366	DH52104298	Lê Thị Ly Ly	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2367	DH52111358	Đồng Văn Nghĩa	D21_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2368	DH52111401	Lê Quang Nhân	D21_TH08	2	0.5	-	-	-	-	1.5	-	-	8
2369	DH52111411	Trần Trọng Nhân	D21_TH08	4.5	2.5	-	-	-	-	2	-	-	5.5
2370	DH52111456	Nguyễn Thị Kiều Oanh	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2371	DH52111560	Võ Hoàng Phúc	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2372	DH52113345	Lữ Mai Phương	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2373	DH52111707	Lê Thanh Tâm	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2374	DH52111793	Nguyễn Chí Thiện	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2375	DH52111833	Lê Nguyễn Minh Thông	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2376	DH52111838	Nguyễn Hoàng Thông	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2377	DH52111847	Lương Hiếu Thuận	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2378	DH52113388	Nguyễn Thị Mai Thy	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2379	DH52111881	Trần Thủy Tiên	D21_TH08	2.5	2	-	-	-	-	0.5	-	-	7.5
2380	DH52111883	Đỗ Ngọc Tiến	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2381	DH52111919	Trần Bảo Nam Trân	D21_TH08	6.5	4	-	-	-	-	2.5	-	-	3.5
2382	DH52111969	Trần Minh Trung	D21_TH08	26.5	22	-	-	-	-	4.5	-	-	0



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2414	DH52111379	Đặng Nhật Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2415	DH52100776	Vũ Trung Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2416	DH52111432	Thạch Thị Tuyết Nhi	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2417	DH52111441	Nguyễn Thị Nhung	D21_TH09	18	15	-	-	1	-	2	-	-	0
2418	DH52111445	Lê Trần Ngọc Như	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2419	DH52111465	Hoàng Tấn Phát	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2420	DH52111471	Mai Xuân Phát	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2421	DH52111481	Trương Quang Phát	D21_TH09	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
2422	DH52111482	Võ Văn Phát	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2423	DH52111486	Nguyễn Tấn Phi	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2424	DH52111510	Nguyễn Văn Phú	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2425	DH52111579	Nguyễn Việt Phương	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2426	DH52111592	Nguyễn Viết Quang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2427	DH52111659	Trần Thanh Sang	D21_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2428	DH52113552	Trần Thanh Sang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2429	DH52111660	Trương Tấn Sang	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2430	DH52111700	Thái Tấn Tài	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2431	DH52113772	Nguyễn Hải Minh Tân	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2432	DH52111751	Trương Quang Thành	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2433	DH52111775	Hà Quang Thật	D21_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2434	DH52111832	Đỗ Hoàng Thông	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2435	DH52111902	Nguyễn Hữu Toàn	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2436	DH52111930	Nguyễn Minh Trí	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2437	DH52112003	Lê Thanh Tuấn	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2438	DH52108826	Nguyễn Xuân Văn	D21_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2439	DH52112111	Thạch Minh Vũ	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2440	DH52110599	Nguyễn Gia Bảo	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2441	DH52113549	Đặng Gia Bình	D21_TH10	10	-	-	-	-	-	9	-	1	0
2442	DH52112966	Vũ Văn Dương	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2443	DH52113469	Nguyễn Lê Đạt	D21_TH10	6.5	-	-	-	-	-	4.5	1	1	3.5
2444	DH52110898	Bùi Nguyễn Trọng Hiếu	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2445	DH52110903	Lê Nguyễn Trọng Hiếu	D21_TH10	4	-	0.5	-	-	-	1.5	1	1	6
2446	DH52110936	Nguyễn Hòa	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2447	DH52111015	Nguyễn Huỳnh Quốc Huy	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2448	DH52111055	Trần Đức Huynh	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2449	DH52111093	Lê Duy Khang	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2450	DH52111112	Đỗ Quốc Khánh	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2451	DH52111115	Mai Lâm Quang Khánh	D21_TH10	6.5	-	-	-	-	-	5.5	1	-	3.5
2452	DH52111118	Nguyễn Trần Minh Khánh	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2453	DH52111143	Nguyễn Lê Quốc Khoa	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2454	DH52111147	Trần Hoàng Đăng Khoa	D21_TH10	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
2455	DH52111171	Lâm Tuấn Kiệt	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2456	DH52111186	Âu Dương Thiên Kim	D21_TH10	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2457	DH52111245	Võ Thành Long	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2458	DH52111256	Trần Hải Lộc	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2459	DH52111258	Trần Tấn Lộc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2460	DH52111438	Trần Tâm Nhiên	D21_TH10	7.5	0.5	-	-	-	-	6	-	1	2.5
2461	DH52111453	Võ Minh Nhựt	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2462	DH52111477	Nim Dòng Phát	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2463	DH52111491	Nguyễn Chí Phong	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2464	DH52111495	Phạm Hồng Phong	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2465	DH52111497	Vương Lập Phong	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2466	DH52111509	Nguyễn Thành Tỷ Phú	D21_TH10	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2467	DH52111520	Lâm Hoàng Phúc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2468	DH52111529	Lê Trần Trọng Phúc	D21_TH10	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2469	DH52111532	Lưu Phạm Hồng Phúc	D21_TH10	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2470	DH52111535	Nguyễn Hoàng Phúc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2471	DH52111554	Phạm Hoàng Phúc	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2472	DH52004099	Trương Minh Phúc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2473	DH52111563	Nguyễn Trọng Phụng	D21_TH10	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2474	DH52111570	Trần Hữu Phước	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2475	DH52111584	Lê Minh Quang	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2507	DH52112015	Trần Anh Tuấn	D21_TH10	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
2508	DH52112030	Võ Thanh Tùng	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
2509	DH52110552	Lý Kỳ Anh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2510	DH52110561	Nguyễn Lan Anh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2511	DH52112832	Nguyễn Quốc Hồng	D21_TH11	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
2512	DH52110653	Bùi Hữu Cường	D21_TH11	2.5	-	-	-	-	-	1	-	1.5	7.5
2513	DH52110658	Lương Văn Cường	D21_TH11	2.5	-	1.5	-	-	-	1	-	-	7.5
2514	DH52110659	Ngô Đức Trần Cường	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2515	DH52110674	Nguyễn Trần Ngọc Diễm	D21_TH11	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
2516	DH52110689	Trần Quốc Dũng	D21_TH11	3	-	0.5	-	-	-	1	-	1.5	7
2517	DH52110688	Triệu Quốc Dũng	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2518	DH52110716	Phạm Tuấn Duy	D21_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2519	DH52113526	Trần Thái Duy	D21_TH11	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
2520	DH52110724	Lê Quang Duyệt	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2521	DH52110728	Huỳnh Quốc Dương	D21_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2522	DH52110733	Nguyễn Sơn Dương	D21_TH11	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
2523	DH52110757	Huỳnh Tấn Đạt	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2524	DH52110775	Nguyễn Thành Đạt	D21_TH11	2	-	1.5	-	-	-	0.5	-	-	8
2525	DH52110812	Trương Thanh Đông	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2526	DH52110848	Vũ Thị Hương Giang	D21_TH11	4	-	0.5	-	-	-	2	-	1.5	6
2527	DH52110866	Dương Đặng Nhật Hào	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2528	DH52110895	Võ Hồng Hiệp	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2529	DH52110899	Hoàng Gia Hiếu	D21_TH11	2.5	-	1.5	-	-	-	1	-	-	7.5
2530	DH52110910	Nguyễn Trung Hiếu	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2531	DH52110964	Phan Minh Hoàng	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2532	DH52110989	Nguyễn Tuấn Hùng	D21_TH11	2	-	-	-	-	-	0.5	-	1.5	8
2533	DH52111002	Hoàng Quốc Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2534	DH52113167	Huỳnh Thanh Huy	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2535	DH52111036	Nguyễn Xuân Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2536	DH52111049	Trịnh Gia Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2537	DH52111063	Nguyễn Mạnh Hưng	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2600	DH52111824	Đặng Trương Hoàng Thọ	D21_TH12	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
2601	DH52113777	Huỳnh Xuân Thọ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2602	DH52113048	Nguyễn Anh Dữ Thương	D21_TH12	3.5	-	0.5	-	-	-	-	-	3	6.5
2603	DH52113099	Võ Nhật Tiến	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2604	DH52111900	Nguyễn Công Toại	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2605	DH52111903	Nguyễn Kiều Minh Toàn	D21_TH12	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2606	DH52111904	Nguyễn Minh Toàn	D21_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2607	DH52113550	Nguyễn Văn Toàn	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2608	DH52111925	Nguyễn Công Trí	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2609	DH52111947	Nguyễn Hoàng Phương	D21_TH12	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2610	DH52111950	Hứa Nhựt Trọng	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2611	DH52111977	Nguyễn Quang Trường	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2612	DH52111990	Phan Thanh Tú	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2613	DH52111992	Trịnh Ngọc Tú	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2614	DH52111993	Võ Ngọc Tú	D21_TH12	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2615	DH52112031	Nguyễn Hoài Tuyên	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2616	DH52113134	Mai Quang Vinh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2617	DH52112086	Nguyễn Trần Thế Vinh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2618	DH52112093	Nguyễn Vương Võ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2619	DH52112095	Lê Tuấn Vũ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2620	DH52112106	Nguyễn Văn Vũ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2621	DH52112109	Phạm Nguyên Vũ	D21_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2622	DH52112114	Vũ Duy Anh Vũ	D21_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2623	DH52112869	Nguyễn Thị Tuyền Vy	D21_TH12	3.5	-	0.5	-	-	-	-	-	3	6.5
2624	DH52110543	Trần Bảo An	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2625	DH52110544	Trịnh Thị Thúy An	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2626	DH52110553	Mai Trần Duy Anh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2627	DH52110555	Ngô Tuấn Anh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2628	DH52110567	Nguyễn Việt Anh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2629	DH52110579	Đình Xuân Phước Ân	D21_TH13	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2630	DH52110581	Nguyễn Ngọc Ân	D21_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2631	DH52110593	Lê Tôn Bảo	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2632	DH52110643	Phan Minh Chí	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2633	DH52110693	Đỗ Ngọc Anh Duy	D21_TH13	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2634	DH52110755	Hoàng Tiến Đạt	D21_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2635	DH52110768	Nguyễn Đoàn Thành Đạt	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2636	DH52110769	Nguyễn Hữu Đạt	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2637	DH52110924	Trần Nguyễn Minh Hiếu	D21_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2638	DH52113771	Trần Thị Mỹ Hoa	D21_TH13	8	5.5	-	-	-	-	2.5	-	-	2
2639	DH52110935	Nguyễn Đình Hòa	D21_TH13	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2640	DH52111024	Nguyễn Quang Huy	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2641	DH52111123	Võ Duy Khánh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2642	DH52111126	Hồ Quang Khiêm	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2643	DH52111127	Trần Gia Khiêm	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2644	DH52111162	Lê Trung Kiên	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2645	DH52108982	Ngô Hiếu Kiên	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2646	DH52111216	Nguyễn Thị Mỹ Linh	D21_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2647	DH52111224	Giang Nhật Long	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2648	DH52111247	Đình Xuân Lộc	D21_TH13	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2649	DH52111252	Nguyễn Bảo Lộc	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2650	DH52111274	Nguyễn Võ Minh Luân	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2651	DH52111288	Đỗ Danh Mạnh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2652	DH52111306	Nguyễn Bảo Minh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2653	DH52113427	Lê Thị Trà My	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2654	DH52111380	Hồ Trần Phúc Nguyên	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2655	DH52111403	Lê Võ Thành Nhân	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2656	DH52111439	Huỳnh Tấn Nhớ	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2657	DH52111515	Cao Hoàng Phúc	D21_TH13	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2658	DH52111518	Hồ Nguyễn Hoàng Phúc	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2659	DH52111531	Lưu Hoàng Phúc	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2660	DH52111586	Lê Văn Quang	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2661	DH52111615	Võ Minh Quân	D21_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2662	DH52111639	Bùi Trí Quỳnh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2663	DH52111664	Trần Đình Sinh	D21_TH13	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2664	DH52111686	Nguyễn Đình Tài	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2665	DH52111695	Nguyễn Văn Tài	D21_TH13	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2666	DH52111744	Nguyễn Đức Thành	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2667	DH52111756	Lê Minh Thảo	D21_TH13	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2668	DH52111778	Đoàn Văn Việt Thi	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2669	DH52111794	Nguyễn Chí Thiện	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2670	DH52111845	Lâm Gia Thuận	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2671	DH52111901	Đào Đăng Đức Toàn	D21_TH13	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
2672	DH52111913	Huỳnh Quang Trạng	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2673	DH52111940	Nguyễn Đăng Triển	D21_TH13	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2674	DH52111968	Phạm Thành Trung	D21_TH13	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2675	DH52111976	Nguyễn Minh Trường	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2676	DH52112001	Huỳnh Nguyễn Minh Tuấn	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2677	DH52112028	Nguyễn Tiến Tùng	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2678	DH52112069	Nguyễn Văn Việt	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2679	DH52112077	Ngô Quốc Vinh	D21_TH13	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2680	DH52112118	Trần Hoàng Vương	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2681	DH52110526	Châu Nguyễn Trường An	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2682	DH52110535	Nguyễn Quốc An	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2683	DH52110565	Nguyễn Nhật Anh	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2684	DH52110574	Vũ Đức Anh	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2685	DH52110662	Phạm Phú Cường	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2686	DH52110679	Nguyễn Thị Công Dung	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2687	DH52113016	Huỳnh Quốc Duy	D21_TH14	2.5	-	-	-	-	-	1.5	1	-	7.5
2688	DH52110709	Nguyễn Minh Duy	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2689	DH52110718	Phạm Võ Đình Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2690	DH52110742	Nguyễn Quốc Đại	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2691	DH52110746	Trần Văn Đan	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2692	DH52110800	Nguyễn Võ Hoàng Hải Đăng	D21_TH14	2.5	-	-	-	-	-	1.5	1	-	7.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2724	DH52111732	Hoàng Lâm Thanh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2725	DH52111761	Đỗ Đức Thắng	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2726	DH52113047	Phan Đức Thắng	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2727	DH52111787	Nguyễn Nhật Thiên	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2728	DH52112002	Lâm Đình Tuấn	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2729	DH52112009	Nguyễn Văn Tuấn	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2730	DH52112016	Trịnh Anh Tuấn	D21_TH14	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2731	DH52112047	Hoàng Đức Uy	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2732	DH52113755	Đông Thị Tường Vi	D21_TH14	5.5	0.5	0.5	-	0.5	-	4	-	-	4.5
2733	DH52112079	Nguyễn Đình Vinh	D21_TH14	2	0.5	-	-	-	-	1.5	-	-	8
2734	DH52112089	Trần Hoàng Vinh	D21_TH14	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
2735	DH52112101	Nguyễn Hoàng Anh	D21_TH14	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2736	DH52112105	Nguyễn Quang Vũ	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2737	DH52112122	Nguyễn Thị Yến Vy	D21_TH14	6	-	-	-	-	-	4.5	-	1.5	4
2738	DH92100769	Trương Khánh Duy	D21_TK1TD	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2739	DH92109340	Bùi Ngọc Hân	D21_TK1TD	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2740	DH92109493	Trần Phạm Minh Thắng	D21_TK1TD	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2741	DH92107917	Phạm Thị Thanh Trúc	D21_TK1TD	9	-	-	-	-	-	9	-	-	1
2742	DH92103109	Trần Ngọc Khả Tú	D21_TK1TD	23.5	20	-	-	-	-	3.5	-	-	0
2743	DH92106536	Lê Kim Yến	D21_TK1TD	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2744	DH92101240	Hồng Huỳnh Phương	D21_TK2TT	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
2745	DH92113350	Nguyễn Anh Khôi	D21_TK2TT	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2746	DH92105695	Nguyễn Đông Nam	D21_TK2TT	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2747	DH92104450	Lữ Ngọc Trân	D21_TK2TT	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2748	DH92108857	Nguyễn Anh Ty	D21_TK2TT	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2749	DH92109576	Đỗ Thanh Bình Yên	D21_TK2TT	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
2750	DH92109283	Nguyễn Lê Phương Anh	D21_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
2751	DH92109284	Nguyễn Phụng Anh	D21_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2752	DH92107821	Võ Văn Tuấn Anh	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2753	DH92109293	Nguyễn Minh Bảo	D21_TK3DH1	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2754	DH92101044	Lương Tuyết Băng	D21_TK3DH1	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2755	DH92109298	Võ Nguyễn Hải Bình	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2756	DH92109184	Cao Thị Minh Châu	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2757	DH92104140	Bùi Hoàng Mỹ Linh	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2758	DH92105543	Nguyễn Minh Chí	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2759	DH92101471	Chen Yi Chin	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2760	DH92106012	Hoàng Văn Cường	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2761	DH92101460	Đỗ Văn Tiến Đạt	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2762	DH92005753	Trần Thành Đạt	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2763	DH92103068	Võ Thành Đạt	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2764	DH92103278	Phương Đỗ Nguyệt Hằng	D21_TK3DH1	3.5	-	-	-	-	-	2	-	1.5	6.5
2765	DH92101365	Trần Quốc Hội	D21_TK3DH1	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2766	DH92112745	Nguyễn Công Huân	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2767	DH92100362	Phạm Nguyễn Gia Huy	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2768	DH92107598	Phạm Thanh Huy	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2769	DH92102624	Trương Minh Huy	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2770	DH92100016	Từ Dân Huy	D21_TK3DH1	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
2771	DH92109377	Phan Hoàng Khang	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2772	DH92109378	Đỗ Quốc Khánh	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2773	DH92102096	Trần Ngọc Hoàng Kim	D21_TK3DH1	2.5	-	-	0.5	-	-	2	-	-	7.5
2774	DH92109393	Nguyễn Đình Hải Linh	D21_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2775	DH92108469	Nguyễn Phương Linh	D21_TK3DH1	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
2776	DH92109395	Nguyễn Thị Yên Linh	D21_TK3DH1	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2777	DH92107679	Phạm Thị Phước Loan	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2778	DH92104434	Phạm Đức Mạnh	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2779	DH92107244	Cao Hoàng Minh	D21_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
2780	DH92103139	Lê Thị Bảo Minh	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2781	DH92104814	Trần Quang Minh	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2782	DH92104287	Lê Hữu Nam	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2783	DH92004053	Nguyễn Trung Nghĩa	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2784	DH92109427	Phạm Châu Ngọc	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2785	DH92101618	Trần Thị Cẩm Nguyên	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2786	DH92109070	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	D21_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2787	DH92100277	Lâm Bội Như	D21_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2788	DH92109449	Huỳnh Thị Ngọc Oanh	D21_TK3DH1	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2789	DH92108688	Nguyễn Tuấn Phát	D21_TK3DH1	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
2790	DH92109457	Võ Quang Phúc	D21_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2791	DH92109463	Lâm Thị Chúc Phương	D21_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2792	DH92101603	Lê Minh Quân	D21_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2793	DH92100809	Cao Thoại Quỳnh	D21_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
2794	DH92106043	Huỳnh Ngọc Ren	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2795	DH92106701	Diệp Vinh Sâm	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2796	DH92106133	Phan Duy Tân	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2797	DH92100804	Nguyễn Hưng Thịnh	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2798	DH92107682	Triệu Hồng Thom	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2799	DH92101419	Nguyễn Văn Thuận	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2800	DH92101747	Nguyễn Hoàng Minh	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2801	DH92103802	Trần Quốc Toàn	D21_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2802	DH92103114	Bùi Nguyễn Thùy Trang	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2803	DH92102764	Đặng Ngọc Bảo Trân	D21_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
2804	DH92104089	Lê Trần Xuân Trường	D21_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2805	DH92104284	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	D21_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2806	DH92100458	Lê Nguyễn Thảo Vy	D21_TK3DH1	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2807	DH92114053	Hà Lê Tuấn Anh	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2808	DH92114734	Tạ Hồng Anh	D21_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2809	DH92109300	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	D21_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2810	DH92109325	Nguyễn Thành Đạt	D21_TK3DH2	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2811	DH92109326	Nguyễn Tuấn Đạt	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2812	DH92113295	Đặng Gia Hân	D21_TK3DH2	0.5	-	-	0.5	-	-	-	-	-	9.5
2813	DH92114010	Hàng Gia Hân	D21_TK3DH2	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
2814	DH92109355	Phan Đức Huân	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2815	DH92109356	Bùi Quang Huy	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2816	DH92113984	Huỳnh Gia Huy	D21_TK3DH2	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2817	DH92109358	Huỳnh Khắc Huy	D21_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2818	DH92109369	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	D21_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2819	DH92109375	Lê Vĩ Khang	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2820	DH92109391	Phạm Thị Kim Liên	D21_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2821	DH92109416	Nguyễn Xuân Nam	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2822	DH92109418	Lê Vũ Thiên Nga	D21_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2823	DH92114165	Tạ Nguyễn Ngọc Ngân	D21_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2824	DH92109425	Nguyễn Phương Nghi	D21_TK3DH2	1.5	-	-	0.5	-	-	1	-	-	8.5
2825	DH92120093	Bùi Trọng Phi	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2826	DH92109459	Đỗ Tiến Phước	D21_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2827	DH92109460	Trần Thành Phước	D21_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	0.5	-	1.5	8
2828	DH92109461	Bùi Thị Bích Phương	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2829	DH92101864	Nguyễn Thu Phương	D21_TK3DH2	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2830	DH92109205	Nguyễn Trần Quang	D21_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2831	DH92109469	Nguyễn Thế Anh Quân	D21_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2832	DH92114339	Nguyễn Trúc Như Quỳnh	D21_TK3DH2	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
2833	DH92114335	Nguyễn Thành Sơn	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2834	DH92114709	Nguyễn Hữu Tài	D21_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2835	DH92111698	Phạm Văn Tấn Tài	D21_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2836	DH92114111	Nguyễn Ngọc Thiên Thanh	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2837	DH92109486	Lưu Huỳnh Minh Thành	D21_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2838	DH92109487	Ngô Công Thành	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2839	DH92114047	Trần Hải Thành	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2840	DH92105697	Nguyễn Phú Thăng	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2841	DH92109492	Phạm Thanh Thăng	D21_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2842	DH92109495	Phạm Đông Thi	D21_TK3DH2	2	-	-	0.5	-	-	1.5	-	-	8
2843	DH92109497	Đoàn Minh Thiên	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2844	DH92108963	Lê Võ Anh Thư	D21_TK3DH2	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2845	DH92109511	Nguyễn Phương Thư	D21_TK3DH2	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2846	DH92109516	Nguyễn Ngọc Thy	D21_TK3DH2	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
2847	DH92109518	Trương Huỳnh Minh Tiến	D21_TK3DH2	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2848	DH92108741	Nguyễn Thị Thùy Trang	D21_TK3DH2	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2849	DH92109535	Vũ Văn Trụ	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2850	DH92108558	Nguy Thành Trung	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2851	DH92114657	Võ Phan Trường	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2852	DH92109546	Lưu Thái Quốc Tuấn	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2853	DH92109548	Phạm Anh Tuấn	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2854	DH92109550	Lê Phan Nhật Tuệ	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2855	DH92109552	Võ Văn Túy	D21_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2856	DH92107124	Ngô Thanh Ngọc Phương Uyên	D21_TK3DH2	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
2857	DH92109561	Nguyễn Thị Anh Vân	D21_TK3DH2	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2858	DH92114712	Phạm Mai Hoàng Yến	D21_TK3DH2	8.5	-	-	-	-	-	7	-	1.5	1.5
2859	DH91905622	Lưu Đức Anh	D21_TK4NT	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
2860	DH92109113	Nguyễn Thị Ngọc ánh	D21_TK4NT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2861	DH92113707	Phạm Tấn Bình	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2862	DH92104191	Nguyễn Thành Đạt	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2863	DH92100627	Trần Duy Nhật Huy	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2864	DH92109394	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2865	DH92109410	Nguyễn Quốc Minh	D21_TK4NT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2866	DH92106074	Nguyễn Ngọc Nga	D21_TK4NT	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2867	DH92109430	Phan Phúc Nguyên	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2868	DH92101778	Nguyễn Đức Thái	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2869	DH92113510	Lê Thị Thúy Thanh	D21_TK4NT	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2870	DH92100355	Nguyễn Công Thành	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2871	DH92109494	Trịnh Quốc Thắng	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2872	DH92100936	Nguyễn Quốc Tuấn	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2873	DH92101576	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	D21_TK4NT	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2874	DH92100645	Bùi Thanh Vân	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2875	DH92109564	Nguyễn Phạm Công Vinh	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2876	DH92109565	Nguyễn Phúc Quang Vinh	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2877	DH92100504	Đỗ Thanh Vy	D21_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2878	DH92107786	Phạm Kim Xuân	D21_TK4NT	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2879	DH42100240	Đình Nhật Anh	D21_VT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2880	DH42112437	Huỳnh Gia Bảo	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2881	DH42114085	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	D21_VT01	5	-	0.5	-	-	-	4.5	-	-	5
2882	DH42108564	Lê Thanh Tùng Châu	D21_VT01	39	19	0.5	-	-	-	19.5	-	-	0
2883	DH42114162	Hoàng Minh Chiến	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2884	DH42112446	Nguyễn Thành Đạt	D21_VT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2885	DH42114462	Nguyễn Tấn Hải	D21_VT01	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
2886	DH42112312	Sú Thế Hải	D21_VT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2887	DH42114528	Nguyễn Quang Hòa	D21_VT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2888	DH42111028	Nguyễn Quốc Huy	D21_VT01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
2889	DH42111032	Nguyễn Thành Huy	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2890	DH42112454	Trần Gia Huy	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2891	DH42114451	Trần Công Khải	D21_VT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2892	DH42112455	Hồ Nguyễn Trung Khang	D21_VT01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
2893	DH42101028	Lê Huỳnh Tuấn Khang	D21_VT01	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2894	DH42111248	Huỳnh Tấn Lộc	D21_VT01	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
2895	DH42120047	Đặng Trần Lục	D21_VT01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2896	DH42100982	Lê Thành Nhân	D21_VT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2897	DH42112465	Liêu Trọng Nhân	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2898	DH42114670	Hồ Nguyễn Hoàng Phúc	D21_VT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2899	DH42108527	Cao Võ Hoàng Quân	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2900	DH42114078	Lý Phương Quân	D21_VT01	6	5	-	-	-	-	1	-	-	4
2901	DH42100866	Cao Nguyễn Hoàng Sang	D21_VT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2902	DH42112474	Đỗ Trường Sinh	D21_VT01	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
2903	DH42104554	Nguyễn Huỳnh Huy Sơn	D21_VT01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
2904	DH42112476	Nguyễn Duy Tân	D21_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2905	DH42112477	Đặng Thị Phương Thanh	D21_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2906	DH42100868	Nguyễn Phan Quốc Thịnh	D21_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2907	DH42007231	Nguyễn Thành Thông	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2908	DH42112480	Trần Công Tiến	D21_VT01	6	0.5	0.5	-	-	-	5	-	-	4
2909	DH42106775	Trương Minh Toàn	D21_VT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2910	DH42112483	Bùi Lam Trường	D21_VT01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
2911	DH42112484	Đình Duy Trường	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2912	DH42114257	Huỳnh Bùi Anh Tú	D21_VT01	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2913	DH42120031	Ca Anh Tuấn	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2914	DH42113977	Điền Huỳnh Anh Tuấn	D21_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2915	DH82107210	Phan Hoàng Quốc Bảo	D21_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2916	DH82100709	Lê Hoàng Duy	D21_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2917	DH82108205	Nguyễn Thành Đạt	D21_XD01	14.5	8	-	2	-	-	4.5	-	-	0
2918	DH82107339	Lê Thái Hiền	D21_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2919	DH82106830	Lê Duy Hùng	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2920	DH82100561	Nguyễn Tuấn Khanh	D21_XD01	39.5	25	-	2	-	-	12.5	-	-	0
2921	DH82101514	Nguyễn Hoàng Gia Kiệt	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2922	DH82107806	Nguyễn Thành Lâm	D21_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2923	DH82106466	Vũ Quang Lâm	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2924	DH82103908	Huỳnh Phước Lộc	D21_XD01	2.5	-	-	-	1	-	1.5	-	-	7.5
2925	DH82107782	Lê Nguyễn Thành Luân	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2926	DH82106907	Nguyễn Thành Nam	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2927	DH82100873	Lê Đình Nghiêm	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2928	DH82100663	Trần Hữu Nhân	D21_XD01	10.5	8	-	-	-	-	2.5	-	-	0
2929	DH82108945	Nguyễn Minh Nhật	D21_XD01	11.5	8.5	-	-	-	-	3	-	-	0
2930	DH82108045	Trần Thanh Nhựt	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2931	DH82101536	Nguyễn Văn Phát	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2932	DH82102165	Nguyễn Hồng Phúc	D21_XD01	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
2933	DH82108471	Phan Trọng Phúc	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2934	DH82101537	Lê Tấn Phước	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2935	DH82104497	Huỳnh Ngọc Sơn	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2936	DH82106363	Lê Thanh Sơn	D21_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2937	DH82108234	Bùi Phú Thành	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2938	DH82107532	Trịnh Mạnh Thiên	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2939	DH82001891	Dương Bảo Thiệp	D21_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2940	DH82100314	Quách Lê Trí	D21_XD01	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2941	DH82106505	Nguyễn Trường Triệu	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2942	DH82006562	Lương Huỳnh Đình	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2943	DH82101299	Nguyễn Dương Trường	D21_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2944	DH82101485	Nguyễn Tấn Vũ	D21_XD01	11	8.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
2945	DH82105806	Lê Tiến Vương	D21_XD01	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
2946	DH82107762	Huỳnh Hoàng Xum	D21_XD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2947	DH82112630	Phạm Thế Duy	D21_XD02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
2948	DH82107054	Phan Bảo Duy	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
2949	DH82112633	Nguyễn Văn Đăng	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
2950	DH82112636	Huỳnh Giang	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
2951	DH82114700	Lý Trí Hào	D21_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2952	DH82113947	Ngô Huyền Hiếu	D21_XD02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2953	DH82112645	Tạ Gia Huy	D21_XD02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
2954	DH82111066	Sầm Xương Hưng	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2955	DH82114094	Nguyễn Phước Khang	D21_XD02	2.5	-	-	-	-	-	1	-	1.5	7.5
2956	DH82112651	Nguyễn Thái Anh Khoa	D21_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2957	DH82113117	Đặng Thanh Lân	D21_XD02	7.5	6	-	-	-	-	0.5	-	1	2.5
2958	DH82112662	Trần Trịnh Công Minh	D21_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2959	DH82112667	Trần Hồ Kim Ngân	D21_XD02	29	21	-	-	-	-	7	-	1	0
2960	DH82114400	Đào Huy Đông Ngọt	D21_XD02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
2961	DH82114568	Trần Thanh Phát	D21_XD02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
2962	DH82114112	Trương Hồng Phú	D21_XD02	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
2963	DH82109167	Trương Tấn Phú	D21_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2964	DH82112676	Bùi Minh Phúc	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2965	DH82114610	Phùng Thế Sơn	D21_XD02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
2966	DH82112697	Bùi Nhật Trí	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2967	DH82112698	Nguyễn Minh Trí	D21_XD02	5.5	4	-	-	-	-	0.5	-	1	4.5
2968	DH82112700	Trần Minh Trí	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2969	DH82114692	Võ Nhật Tuấn	D21_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2970	DH82112040	Lê Hữu Tứ	D21_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2971	DH12200002	Võ Mã An	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
2972	DH12200006	Trần Phong Cảnh	D22_CDT01	19.5	10	-	-	-	-	9.5	-	-	0
2973	DH12200018	Châu Thanh Duy	D22_CDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2974	DH12200017	Nguyễn Linh Dương	D22_CDT01	2.5	0.5	-	-	-	-	2	-	-	7.5
2975	DH12200011	Nguyễn Thành Đạt	D22_CDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2976	DH12202979	Trần Lê Hải Đăng	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2977	DH12200024	Nguyễn Nguyên Hào	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2978	DH12200027	Đậu Quang Hiếu	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2979	DH12200028	Trương Khắc Hiếu	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2980	DH12203731	Vũ Đặng Minh Hoàn	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2981	DH12200031	Nguyễn Phi Hoàng	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2982	DH12203680	Huỳnh Gia Huy	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2983	DH12200039	Nguyễn Thanh Huy	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2984	DH12200035	Bùi Trần Tuấn Hưng	D22_CDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2985	DH12200042	Trần Minh Khánh	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2986	DH12112196	Lê Trọng Khiêm	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2987	DH12203887	Trần Hùng Đăng Khoa	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2988	DH12200046	Lê Tuấn Kiệt	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2989	DH12200976	Lê Vũ Hoàng Lân	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2990	DH12200051	Nguyễn Hoàng Linh	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2991	DH12203664	Đỗ Tuấn Minh	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2992	DH12202976	Lê Nhật Minh	D22_CDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2993	DH12200054	Trần Gia Minh	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2994	DH12200057	Nguyễn Chính Nghĩa	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2995	DH12200061	Nguyễn Văn Trọng Nhân	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2996	DH12200062	Huỳnh Minh Nhật	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2997	DH12200068	Huỳnh Tiến Phát	D22_CDT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2998	DH12200070	Võ Tấn Phát	D22_CDT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2999	DH12200071	Nguyễn Nhật Phi	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3000	DH12200072	Hồ Bảo Phong	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3001	DH12200075	Phan Đăng Phú	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3002	DH12200082	Hoàng Huy Quang	D22_CDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3003	DH12203122	Mai Mạnh Quân	D22_CDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3004	DH12200085	Hà Văn Qui	D22_CDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3005	DH12200087	Huỳnh Phú Quý	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3006	DH12200095	Nguyễn Công Thành	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3007	DH12200097	Nguyễn Ngọc Duy Thiên	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3008	DH12200096	Phù Phương Thành	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3009	DH12202934	Phan Nguyễn Quốc Thiện	D22_CDT01	2.5	1	-	-	-	-	1.5	-	-	7.5
3010	DH12203765	Nguyễn Thanh Thuận	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3011	DH12200103	Nguyễn Thanh Toàn	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3012	DH12200104	Vũ Tiến Toàn	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3013	DH12200107	Lương Nguyễn Quốc Trí	D22_CDT01	5	-	1	-	-	-	4	-	-	5
3014	DH12200108	Nguyễn Minh Trí	D22_CDT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3015	DH12200111	Lê Quốc Trọng	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3016	DH12200120	Ngô Quang Minh Tuấn	D22_CDT01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
3017	DH12114613	Huỳnh Ngọc Tuệ	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3018	DH12108046	Võ Xuân Tùng	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3019	DH12200121	Cao Vĩnh Tường	D22_CDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3020	DH12200001	Nguyễn Trường An	D22_CDT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3021	DH12200004	Triệu Duy Anh	D22_CDT02	4	-	1.5	-	-	-	2.5	-	-	6
3022	DH12200007	Nguyễn Văn Chương	D22_CDT02	5	-	1.5	-	-	-	3.5	-	-	5
3023	DH12200015	Nguyễn Mạnh Dũng	D22_CDT02	4.5	-	1.5	-	-	-	3	-	-	5.5
3024	DH12200019	Nguyễn Hoàng Anh	D22_CDT02	4	-	1.5	-	-	-	2.5	-	-	6
3025	DH12200010	Nguyễn Tấn Đạt	D22_CDT02	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
3026	DH12200012	Trần Xuân Đạt	D22_CDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3027	DH12200013	Trần Ngọc Điệp	D22_CDT02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3028	DH12200014	Đỗ Hữu Thiên Chấn	D22_CDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3029	DH12200021	Nguyễn Hoàng Giang	D22_CDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3030	DH12200026	Đỗ Đức Hiệp	D22_CDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3031	DH12200030	Lê Minh Hoàng	D22_CDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3032	DH12200034	Tạ Quốc Hùng	D22_CDT02	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
3033	DH12200040	Phạm Đức Huy	D22_CDT02	3	-	1.5	-	-	-	1.5	-	-	7



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3065	DH32105789	Nguyễn Thành Chiến	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3066	DH32200132	Dương Quang Công	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3067	DH32200133	Lê Trí Công	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3068	DH32200143	Trần Trọng Thái Dương	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3069	DH32200137	Hoàng Đình Đạt	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3070	DH32200135	Đoàn Minh Đăng	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3071	DH32200141	Phan Ngọc Đình	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3072	DH32105790	Đặng Minh Hải	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3073	DH32200152	Trương Quang Hào	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3074	DH32200153	Hồ Trung Hậu	D22_DDT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
3075	DH32203753	Lương Thế Hiện	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3076	DH32200160	Nguyễn Đăng Hoàng	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3077	DH32200165	Dương Hải Huy	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3078	DH32200167	Nguyễn Quang Huy	D22_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3079	DH32200168	Nguyễn Thành Huy	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3080	DH32200169	Trương Quốc Huy	D22_DDT01	12.5	12	-	-	-	-	0.5	-	-	0
3081	DH32202940	Trần Quang Khải	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3082	DH32200172	Đặng Nguyễn Tuấn Khanh	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3083	DH32202952	Trần Hoàng Gia Lạc	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3084	DH32200182	Phạm Phúc Linh	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3085	DH32200187	Đào Tuấn Mẫn	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3086	DH32200188	Nguyễn Quốc Minh Mẫn	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3087	DH32202928	Hoàng Trung Nguyên	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3088	DH32202945	Dương Vũ Hoàng Ninh	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3089	DH32203689	Nguyễn Minh Phát	D22_DDT01	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
3090	DH32200208	Nguyễn Thái Sang	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3091	DH32200211	Nguyễn Thanh Tài	D22_DDT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3092	DH32200212	Phan Thành Tài	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3093	DH32200216	Trần Quốc Thái	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3094	DH32200220	Phạm Nhật Thành	D22_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3095	DH32200221	Nguyễn Khải Thi	D22_DDT01	25	24.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3127	DH32200180	Nguyễn Duy Lâm	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3128	DH32200183	Nguyễn Hoàng Long	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3129	DH32200184	Nguyễn Khánh Long	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3130	DH32200185	Tiêu Tập Long	D22_DDT02	29	25	-	-	-	-	4	-	-	0
3131	DH32200190	Phùng Lâm Tiến Minh	D22_DDT02	12.5	9	-	-	-	-	2.5	-	1	0
3132	DH32200192	Lê Minh Nghi	D22_DDT02	1.5	-	1.5	-	-	-	-	-	-	8.5
3133	DH32200197	Nguyễn Hoàng Nhật	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3134	DH32200198	Lý Gia Phát	D22_DDT02	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
3135	DH32200200	Lê Hoàng Phúc	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3136	DH32200202	Nguyễn Vinh Quang	D22_DDT02	1.5	1	-	-	-	-	0.5	-	-	8.5
3137	DH32200214	Nguyễn Xuân Tâm	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3138	DH32200215	Võ Thiện Tâm	D22_DDT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3139	DH32200217	Nguyễn Minh Thắng	D22_DDT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3140	DH32200223	Huỳnh Thị Minh Thu	D22_DDT02	6.5	-	0.5	-	-	-	5	-	1	3.5
3141	DH32200225	Lê Minh Tiến	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3142	DH32200229	Trần Minh Toàn	D22_DDT02	3.5	1	-	-	-	-	2.5	-	-	6.5
3143	DH32200234	Lưu Hoàng Tú	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3144	DH32200238	Nguyễn Thanh Tuấn	D22_DDT02	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
3145	DH32200236	Nguyễn Minh Tự	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3146	DH32200241	Nguyễn Quang Tường	D22_DDT02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3147	DH32200243	Mai Thế Vinh	D22_DDT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3148	DH32200244	Nguyễn Tấn Vinh	D22_DDT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3149	DH72201949	Trần Minh Chiến	D22_QT01	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
3150	DH72200134	Huỳnh Tấn Cường	D22_QT01	1	1	-	-	-	-	-	-	-	9
3151	DH72201961	Nguyễn Thanh Danh	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3152	DH72201993	Bùi Mai Bảo Duy	D22_QT01	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
3153	DH72200146	Phạm Nguyễn Nhật Duy	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3154	DH72202006	Phạm Nguyễn Phương Duyên	D22_QT01	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
3155	DH72200609	Phạm Văn Giới	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3156	DH72202030	Đỗ Thị Thu Hằng	D22_QT01	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
3157	DH72202022	Lương Thị Hồng Hân	D22_QT01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3189	DH72106725	Trần Thanh Thái Sơn	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3190	DH72202329	Trần Thị Thanh Tâm	D22_QT01	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
3191	DH72202332	Đoàn Quốc Tân	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3192	DH72201409	Huỳnh Nhựt Tân	D22_QT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3193	DH72100480	Trần Ngọc Thạch	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3194	DH72201457	Lý Quán Thành	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3195	DH72202353	Ngô Thiều Phương Thảo	D22_QT01	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
3196	DH72202357	Nguyễn Thu Thảo	D22_QT01	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
3197	DH72100541	Trương Quốc Thắng	D22_QT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3198	DH72202339	Nguyễn Thị Kim Thân	D22_QT01	2.5	-	0.5	-	-	-	-	-	2	7.5
3199	DH72202369	Trần Đình Thi	D22_QT01	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
3200	DH72201495	Lê Hoàng Phú Thịnh	D22_QT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3201	DH72101517	Trương Hoàng Thọ	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3202	DH72202400	Phan Thị Cẩm Thúy	D22_QT01	19.5	16	-	-	-	-	1.5	-	2	0
3203	DH72202391	Trương Thị Anh Thư	D22_QT01	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
3204	DH72202394	Trần Ngọc Hoài Thương	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3205	DH72202395	Trần Võ Thị Hoài Thương	D22_QT01	3.5	0.5	0.5	-	-	-	2.5	-	-	6.5
3206	DH72111879	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3207	DH72202440	Trương Thị Thùy Trang	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3208	DH72202418	Phạm Đỗ Bảo Trâm	D22_QT01	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
3209	DH72202424	Giang Mỹ Trân	D22_QT01	1.5	-	1.5	-	-	-	-	-	-	8.5
3210	DH72202425	Nguyễn Hoàng Bê Trân	D22_QT01	2.5	-	0.5	-	-	-	-	-	2	7.5
3211	DH72202427	Phạm Đỗ Bảo Trân	D22_QT01	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
3212	DH72113677	Hoàng Minh Trí	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3213	DH72105831	Ngô Công Trình	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3214	DH72202466	Phạm Nguyễn Thị Trúc	D22_QT01	3.5	-	0.5	-	-	-	1	-	2	6.5
3215	DH72110412	Nguyễn Đoàn Trí Trung	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3216	DH72202482	Nguyễn Thanh Hải Tuấn	D22_QT01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
3217	DH72114738	Nguyễn Võ Thái Tuấn	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3218	DH72202484	Nguyễn Sơn Tùng	D22_QT01	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
3219	DH72202485	Nguyễn Thanh Tùng	D22_QT01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3220	DH72202492	Đặng Ngọc Trinh Tuyết	D22_QT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3221	DH72202505	Võ Thùy Vi	D22_QT01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
3222	DH72202517	Nguyễn Đào Tường Vy	D22_QT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
3223	DH72202518	Nguyễn Ngọc Tường Vy	D22_QT01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
3224	DH72202526	Trần Thụy Thúy Vy	D22_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3225	DH72202531	Trần Như ý	D22_QT01	1.5	-	0.5	1	-	-	-	-	-	8.5
3226	DH72112131	Nguyễn Hoàng Phi Yến	D22_QT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3227	DH72201912	Phạm Nguyễn Phúc An	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3228	DH72201931	Cao Nguyên Bảo	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3229	DH72201950	Bùi Thị Diệu Chinh	D22_QT02	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
3230	DH72201953	Đỗ Thị Hồng Cúc	D22_QT02	1.5	1	-	-	-	-	0.5	-	-	8.5
3231	DH72201958	Châu Danh	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3232	DH72201960	Nguyễn Hoàng Danh	D22_QT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3233	DH72201977	Phạm Duy Duẫn	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3234	DH72202003	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	D22_QT02	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
3235	DH72202014	Lê Nguyễn Thanh Giàu	D22_QT02	2	-	1	-	-	-	1	-	-	8
3236	DH72202016	Nguyễn Ngọc Hà	D22_QT02	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
3237	DH72202040	Trương Gia Hào	D22_QT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3238	DH72202033	Nguyễn Vũ Thị Thu Hằng	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3239	DH72202058	Trần Minh Hiếu	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3240	DH72202060	Kiều Ngọc Hoa	D22_QT02	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
3241	DH72202092	Nguyễn Minh Huy	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3242	DH72202081	Phạm Thanh Hương	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3243	DH72202109	Phạm Duy Khang	D22_QT02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3244	DH72202128	Lê Tuấn Kiệt	D22_QT02	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
3245	DH72202137	Phùng Huỳnh Lâm	D22_QT02	5	3	-	-	-	-	2	-	-	5
3246	DH72202141	Nguyễn Kim Lên	D22_QT02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3247	DH72202147	Huỳnh Xuân Linh	D22_QT02	5	1	-	-	-	-	2	-	2	5
3248	DH72202182	Trần Gia Minh	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3249	DH72202202	Hoàng Thanh Ngân	D22_QT02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3250	DH72202231	Trần Thị Kim Nguyên	D22_QT02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3282	DH72202533	Hồ Ngọc Yến	D22_QT02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3283	DH72201915	Đỗ Thị Kim Anh	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3284	DH72201916	Huỳnh Ngọc Chiê Anh	D22_QT03	5.5	-	-	-	-	-	4	-	1.5	4.5
3285	DH72201919	Phạm Hoàng Tuấn Anh	D22_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3286	DH72201933	Phan Ngọc Gia Bảo	D22_QT03	33	22	-	-	-	-	9	2	-	0
3287	DH72201947	Ngô Thị Ngọc Chi	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3288	DH72201972	Trần Thị Hoàng Diệp	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3289	DH72201998	Đình Ngọc Phương Duyên	D22_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3290	DH72202000	Lê Thị Duyên	D22_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3291	DH72201989	Ngô Thị Thùy Dương	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3292	DH72201969	Trần Thư Đạt	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3293	DH72202043	Nguyễn Lê Phúc Hậu	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3294	DH72202052	Trần Thị Hiền	D22_QT03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3295	DH72202086	Lưu Thanh Huy	D22_QT03	2.5	-	-	-	-	-	1.5	1	-	7.5
3296	DH72202100	Thái Thị Mỹ Huyền	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3297	DH72202105	Đặng Phúc Khang	D22_QT03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3298	DH72202112	Lê Duy Khánh	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3299	DH72202124	Nguyễn Tiến Khôi	D22_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3300	DH72202132	Trương Tuấn Kiệt	D22_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3301	DH72202140	Nguyễn Trần Thu Lan	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3302	DH72202143	Ngô Thị Bích Liên	D22_QT03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
3303	DH72202154	Trần Ngọc Trúc Linh	D22_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3304	DH72202160	Trịnh Đình Lộc	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3305	DH72202162	Nguyễn Tuấn Lợi	D22_QT03	5	1	-	-	-	-	4	-	-	5
3306	DH72202177	Võ Thị Ngọc Mai	D22_QT03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3307	DH72202181	Nguyễn Thành Minh	D22_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3308	DH72202184	Liều Thị Kiều My	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3309	DH72202195	Lê Võ Hoàng Nam	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3310	DH72202208	Nguyễn Đạt Ngọc Ngân	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3311	DH72202210	Nguyễn Kim Ngân	D22_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3312	DH72202214	Nguyễn Thị Thúy Ngân	D22_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9









STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3437	DH72202307	Cao Nguyễn Như Quỳnh	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3438	DH72202312	Thái Như Quỳnh	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3439	DH72202322	Nguyễn Ngọc Tài	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3440	DH72202323	Trần Dương Quốc Tài	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3441	DH72202356	Nguyễn Thị Phương Thảo	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3442	DH72202362	Phan Nguyễn Phương Thảo	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3443	DH72202375	Nguyễn Thị Kim Thoa	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3444	DH72202387	Nguyễn Ngọc Anh Thư	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3445	DH72202436	Nguyễn Thị Thu Trang	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3446	DH72202420	Trần Trúc Trâm	D22_QT05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3447	DH72202422	Phan Thị Ngọc Trâm	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3448	DH72202428	Phạm Thị Bảo Trân	D22_QT05	30.5	26	-	-	-	-	4.5	-	-	0
3449	DH72202429	Tiêu Bảo Trân	D22_QT05	2	1	-	-	-	-	-	1	-	8
3450	DH72202446	Lê Ngọc Phương Trinh	D22_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3451	DH72202449	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	D22_QT05	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
3452	DH72202465	Nguyễn Thị Oanh Trúc	D22_QT05	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
3453	DH72202491	Trương Thị Minh Tuyền	D22_QT05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3454	DH72202499	Lữ Thị Tuyết Vân	D22_QT05	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
3455	DH72202514	Lê Ngọc Thúy Vy	D22_QT05	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
3456	DH72202535	Huỳnh Thị Bảo Yến	D22_QT05	4	-	-	4	-	-	-	-	-	6
3457	DH72201909	Nguyễn Huỳnh Nhật An	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3458	DH72201918	Nguyễn Lê Kim Anh	D22_QT06	21	18	-	-	-	-	3	-	-	0
3459	DH72201922	Trịnh Thị Lan Anh	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3460	DH72201927	Nguyễn Thị Hồng ánh	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3461	DH72201932	Hồ Chí Bảo	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3462	DH72201934	Tạ Quốc Bảo	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3463	DH72201935	Trần Quốc Bảo	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3464	DH72201936	Mạc Thị Ngọc Bích	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3465	DH72201937	Hồ Mộng Cẩm	D22_QT06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3466	DH72201945	Trần Thị Quỳnh Châu	D22_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3467	DH72201948	Nguyễn Bạch Yến Chi	D22_QT06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5









STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3592	DH72202296	Nguyễn Lâm Tuyết Phương	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3593	DH72202311	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3594	DH72202316	Nguyễn Duy Sang	D22_QT08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3595	DH72202326	Nguyễn Thanh Tâm	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3596	DH72202331	Vương Thị Minh Tâm	D22_QT08	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
3597	DH72202355	Nguyễn Thị Thảo	D22_QT08	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
3598	DH72202377	Đỗ Thành Thông	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3599	DH72202378	Đình Thị Hoài Thu	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3600	DH72202398	Lê Thị Thu Thúy	D22_QT08	2	-	0.5	-	-	-	0.5	1	-	8
3601	DH72202399	Nguyễn Huỳnh Ngọc	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3602	DH72202380	Lê Anh Thư	D22_QT08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3603	DH72202409	Nguyễn Thanh Toàn	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3604	DH72202441	Trương Thùy Trang	D22_QT08	4.5	0.5	0.5	-	-	-	3.5	-	-	5.5
3605	DH72202474	Dương Thị Cẩm Tú	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3606	DH72202488	Mai Thị Thanh Tuyền	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3607	DH72202489	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3608	DH72202494	Đình Ngọc Tú Uyên	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3609	DH72202503	Phan Thị Thúy Vi	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3610	DH72202510	Nguyễn Quốc Vượng	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3611	DH72202539	Nguyễn Thị Hoàng Yến	D22_QT08	3.5	1	-	-	-	-	1.5	1	-	6.5
3612	DH72202540	Phạm Lê Hồng Yến	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3613	DH72202541	Thái Thùy Kiều Yến	D22_QT08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3614	DH72202542	Tô Ngọc Hoàng Yến	D22_QT08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3615	DH72202966	Phan Châu Anh	D22_QT09	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
3616	DH72202978	Đặng Ngọc Trí Bảo	D22_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3617	DH72202930	Đặng Khánh Duy	D22_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3618	DH72203705	Nguyễn Khánh Duy	D22_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3619	DH72203695	Trần Thị Thùy Dương	D22_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3620	DH72203007	Nguyễn Thị Bích Đào	D22_QT09	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
3621	DH72203750	Nguyễn Phát Đạt	D22_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3622	DH72203876	Phan Tấn Đạt	D22_QT09	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5









STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3747	DH52200344	Võ Phương Anh	D22_TH02	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
3748	DH52200423	Lâm Dũ Cường	D22_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
3749	DH52200454	Cao Tấn Đạt	D22_TH02	9	8.5	-	-	-	-	0.5	-	-	1
3750	DH52200467	Huỳnh Tấn Đạt	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3751	DH52200472	Lê Văn Đạt	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3752	DH52200508	Trần Đình Định	D22_TH02	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
3753	DH52200618	Nguyễn Hoàng Hải	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3754	DH52200627	Nguyễn Thúy Hằng	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3755	DH52200658	Nguyễn Thanh Hiến	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3756	DH52200670	Bành Kim Hiếu	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3757	DH52200752	Vòng Kiên Hưng	D22_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3758	DH52200821	Huỳnh Đông Kha	D22_TH02	15.5	11.5	-	-	-	-	4	-	-	0
3759	DH52200828	Huỳnh Nguyễn Chí Khải	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3760	DH52200859	Nguyễn Phan Hữu Khanh	D22_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
3761	DH52200897	Cao Hoàng Đăng Khoa	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3762	DH52200945	Lê Phạm Tuấn Kiệt	D22_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
3763	DH52200948	Ngô Anh Kiệt	D22_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
3764	DH52200968	Lý Tường Lâm	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3765	DH52200970	Ngô Ngọc Lâm	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3766	DH52200975	Hoàng Đặng Diệp Lân	D22_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
3767	DH52201031	Triệu Kim Long	D22_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3768	DH52200998	Nguyễn Hữu Lộc	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3769	DH52201002	Phạm Quang Lộc	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3770	DH52107965	Trương Thị Khánh Ly	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3771	DH52201056	Lưu Quang Minh	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3772	DH52201057	Lưu Thái Minh	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3773	DH52201081	Nguyễn Văn Nam	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3774	DH52201083	Trần Hoa Nam	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3775	DH52201090	Nguyễn Thị Kim Ngân	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3776	DH52201099	Nguyễn Phước Nghĩa	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3777	DH52201106	Hoàng Minh Ngọc	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5







STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3871	DH52201315	Trần Nhật Quang	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3872	DH52201290	Nguyễn Hồng Quân	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3873	DH52201341	Nguyễn Ngọc Quyên	D22_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3874	DH52201345	Bùi Vạn Quỳnh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3875	DH52201391	Nguyễn Xuân Tài	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3876	DH52201392	Phạm Hữu Tài	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3877	DH52201412	Trần Thanh Tân	D22_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
3878	DH52201418	Nguyễn Duy Thái	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3879	DH52201419	Nguyễn Quốc Thái	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3880	DH52201447	Lư Chí Thanh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3881	DH52201451	Tân Khải Thanh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3882	DH52201475	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3883	DH52201431	Chung Nguyễn Quốc Thắng	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3884	DH52201508	Võ Lê Minh Thịnh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3885	DH52201526	Trần Phạm Minh Thư	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3886	DH52201568	Nguyễn Hữu Tín	D22_TH03	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
3887	DH52201569	Nguyễn Trọng Tín	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3888	DH52201597	Lê Nguyễn Duy Tôn	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3889	DH52201601	Trần Thị Ngọc Trâm	D22_TH03	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
3890	DH52201659	Phan Thanh Trọng	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3891	DH52201699	Nguyễn Thị Cẩm Tú	D22_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3892	DH52201708	Lê Minh Tuấn	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3893	DH52201713	Nguyễn Hoàng A1 Tuấn	D22_TH03	2.5	-	0.5	-	-	-	1	-	1	7.5
3894	DH52201724	Võ Hoàng Tuấn	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3895	DH52201757	Nguyễn Lâm Chí Vinh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3896	DH52200305	Nguyễn Ngọc Phúc An	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3897	DH52200311	Phan Nguyễn Hoài An	D22_TH04	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
3898	DH52200312	Trần Bảo An	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3899	DH52200315	Châu Hoàng Ân	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3900	DH52200347	Nguyễn Hoàng Thiên Bách	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3901	DH52200352	Đào Quốc Bảo	D22_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5







STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
3995	DH52200809	Trần Trường Huy	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3996	DH52200812	Võ Khắc Huy	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3997	DH52200735	Huỳnh Đàm Vĩnh Hưng	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3998	DH52200754	Dương Thị Hồng Hương	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3999	DH52200834	Hồ Bảo Khang	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4000	DH52200845	Nguyễn Trí Khang	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4001	DH52200846	Phạm Nguyễn Đình	D22_TH05	35	29.5	-	-	-	-	5.5	-	-	0
4002	DH52200864	Bùi Trần Nam Khánh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4003	DH52200875	Nguyễn Duy Khánh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4004	DH52200877	Nguyễn Phùng Quốc	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4005	DH52200883	Phạm Thế Khánh	D22_TH05	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4006	DH52200916	Phan Đăng Khoa	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4007	DH52200918	Trần Vũ Đăng Khoa	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4008	DH52200924	Huỳnh Minh Khôi	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4009	DH52200938	Lê Trung Kiên	D22_TH05	4	-	1.5	-	-	-	2.5	-	-	6
4010	DH52200944	Dương Tuấn Kiệt	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4011	DH52200949	Nguyễn Bảo Kiệt	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4012	DH52200971	Trần Kiên Lâm	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4013	DH52200985	Nguyễn Phan Tuấn Linh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4014	DH52201011	Diệp Phi Long	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4015	DH52201013	Đỗ Ngọc Kim Long	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4016	DH52200991	Bùi Đỗ Phúc Lộc	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4017	DH52201035	Tô Nghiệp Luân	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4018	DH52201038	Bùi Duy Luận	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4019	DH52201045	Nguyễn Tuấn Mẫn	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4020	DH52201050	Đào Tuấn Minh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4021	DH52201078	Nguyễn An Nam	D22_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4022	DH52201132	Trần Thanh Nhã	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4023	DH52201160	Phạm Yên Nhi	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4024	DH52201188	Nguyễn Lê Minh Phát	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4025	DH52201205	Dương Hoài Phong	D22_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4088	DH52200955	Phan Trần Anh Kiệt	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4089	DH52200990	Nguyễn Mai Linh	D22_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4090	DH52201012	Đỗ Hoàng Long	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4091	DH52201001	Nguyễn Tấn Thiên Lộc	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4092	DH52201046	Phạm Minh Mẫn	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4093	DH52201077	Ngô Hoàng Nam	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4094	DH52201117	Lưu Bích Nguyên	D22_TH06	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	8.5
4095	DH52201162	Nguyễn Khắc Nhu	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4096	DH52201164	Nguyễn Thị Hồng Như	D22_TH06	5	-	-	-	-	-	2	-	3	5
4097	DH52201223	Nguyễn Thanh Phú	D22_TH06	1	-	1	-	-	-	-	-	-	9
4098	DH52201236	Lê Minh Phúc	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4099	DH52201243	Nguyễn Hoàng Phúc	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4100	DH52201263	Vũ Hoàng Tuấn Phúc	D22_TH06	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4101	DH52201282	Vũ Việt Phương	D22_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4102	DH52201303	Lê Trần Trung Quang	D22_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4103	DH52201284	Hoàng Anh Quân	D22_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4104	DH52201331	Nguyễn Ngọc Trung	D22_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4105	DH52201344	Huỳnh Quốc Gia Quyền	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4106	DH52201349	Trần Thị Mai Quỳnh	D22_TH06	3.5	-	-	-	-	-	0.5	-	3	6.5
4107	DH52201360	Nguyễn Thanh Sang	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4108	DH52201363	Nguyễn Thế Thuận Sanh	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4109	DH52201401	Nguyễn Văn Tâm	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4110	DH52201410	Ngô Minh Tân	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4111	DH52201462	Nguyễn Trường Thành	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4112	DH52201424	Mã Nữ Như Thẩm	D22_TH06	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4113	DH52201493	Huỳnh Quốc Thịnh	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4114	DH52201498	Nguyễn Hồ Phúc Thịnh	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4115	DH52201514	Lê Trần Minh Thông	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4116	DH52201536	Nguyễn Văn Thuận	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4117	DH52201563	Nguyễn Thanh Tiên	D22_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4118	DH52201566	Hồ Văn Tín	D22_TH06	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4150	DH52200663	Đoàn Minh Hiền	D22_TH07	6.5	6.5	-	-	-	-	-	-	-	3.5
4151	DH52200669	Trần Đình Hiệp	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4152	DH52200674	Hoàng Xuân Hiếu	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4153	DH52200690	Đỗ Văn Hìn	D22_TH07	9	-	-	-	-	-	6	-	3	1
4154	DH52200694	Đỗ Thuận Hòa	D22_TH07	24	6.5	-	-	-	-	15	-	3	0
4155	DH52200706	Lê Nguyễn Huy Hoàng	D22_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4156	DH52200721	Trần Việt Hoàng	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4157	DH52200788	Nguyễn Quốc Huy	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4158	DH52200756	Lê Thanh Hương	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4159	DH52200759	Trần Võ Chí Hữu	D22_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4160	DH52200822	Phạm Trần Đan Kha	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4161	DH52200835	Huỳnh Văn Khang	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4162	DH52200869	Lê Hữu Khánh	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4163	DH52200892	Nguyễn Sỹ Khiêm	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4164	DH52200917	Trần Lê Đăng Khoa	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4165	DH52200937	Lê Trọng Kiên	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4166	DH52200974	Phạm Ngọc Lan	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4167	DH52200988	Phan Vũ Linh	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4168	DH52201030	Trần Hoàng Long	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4169	DH52201004	Trần Hữu Lộc	D22_TH07	17	11.5	-	-	-	-	5.5	-	-	0
4170	DH52201005	Trần Tấn Lộc	D22_TH07	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
4171	DH52201054	Lê Phương Minh	D22_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4172	DH52201072	Nguyễn Thị Thu Na	D22_TH07	21	20	-	-	-	-	1	-	-	0
4173	DH52201088	Huỳnh Thị Thu Ngân	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4174	DH52201096	Lý Hậu Nghĩa	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4175	DH52201097	Ngô Trọng Nghĩa	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4176	DH52201104	Trần Tuấn Nghĩa	D22_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4177	DH52201123	Phạm Văn Nhật Nguyên	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4178	DH52201176	Dương Tấn Phát	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4179	DH52201259	Trần Trọng Phúc	D22_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4180	DH52201265	Lê Đăng Hải Phục	D22_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7





















STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4491	DH52201480	Quách Vũ Thi	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4492	DH52201492	Hồ Quốc Thịnh	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4493	DH52201503	Nguyễn Phú Thịnh	D22_TH11	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
4494	DH52201507	Trần Ngọc Thịnh	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4495	DH52201520	Từ Công Thủ	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4496	DH52201572	Nguyễn Phúc Thiên	D22_TH11	3.5	-	-	-	-	-	1.5	2	-	6.5
4497	DH52201574	Nguyễn Phương Tính	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4498	DH52201575	Nguyễn Trí Tính	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4499	DH52201595	Trương Lý Quốc Toàn	D22_TH11	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
4500	DH52201609	Lê Trần Thảo Trang	D22_TH11	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4501	DH52201603	Nguyễn Ngọc Trân	D22_TH11	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4502	DH52201604	Phạm Lê Huyền Trân	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4503	DH52201628	Nguyễn Minh Trí	D22_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4504	DH52201652	Nguyễn Ngọc Khánh	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4505	DH52201654	Nguyễn Thị Trọn	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4506	DH52201665	Võ Thanh Trúc	D22_TH11	3.5	0.5	0.5	-	-	-	2.5	-	-	6.5
4507	DH52201676	Huỳnh Hữu Trường	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4508	DH52201678	Ngô Văn Trường	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4509	DH52201684	Nguyễn Xuân Trường	D22_TH11	2	0.5	-	-	-	-	1.5	-	-	8
4510	DH52201688	Phan Xuân Trường	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4511	DH52201691	Trương Quang Trường	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4512	DH52201705	Huỳnh Thanh Tuấn	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4513	DH52201712	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4514	DH52201771	Lê Minh Vũ	D22_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4515	DH52201785	Nguyễn Thị Tường Vy	D22_TH11	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
4516	DH52200299	Lương Minh Khánh An	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4517	DH52200306	Nguyễn Phú Quốc An	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4518	DH52200321	Đào Duy Anh	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4519	DH52200330	Nguyễn Huy Hoàng Anh	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4520	DH52200373	Nguyễn Trương Thiên Bảo	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4521	DH52200393	Nguyễn Phước Bình	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4584	DH52201750	Lê Thanh Việt	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4585	DH52201759	Nguyễn Ngọc Vinh	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4586	DH52201765	Trần Phương Vinh	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4587	DH52201786	Trần Thị Yến Vy	D22_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4588	DH52201790	Nguyễn Phúc Toàn Vy	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4589	DH52200297	Hà Huỳnh Thúy An	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4590	DH52200303	Nguyễn Hoàng An	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4591	DH52200327	Nguyễn Hà Tuấn Anh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4592	DH52200334	Nguyễn Văn Tuấn Anh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4593	DH52200341	Trần Tuấn Anh	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4594	DH52200342	Võ Hoàng Anh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4595	DH52200317	Huỳnh Ngọc Hồn; Ân	D22_TH13	3	-	-	-	-	-	1	-	2	7
4596	DH52200382	Vũ Quốc Bảo	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
4597	DH52200384	Trần Chánh Biện	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4598	DH52200398	Trần Thanh Bình	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4599	DH52200406	Trần Ngọc Châu	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4600	DH52200407	Phan Thị Bích Chi	D22_TH13	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
4601	DH52200414	Nguyễn Thế Chương	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4602	DH52200504	Giang Ca Diệp	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4603	DH52200541	Trương Hùng Dũng	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4604	DH52200560	Lê Nguyễn Khánh Duy	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4605	DH52200585	Phan Nhật Duy	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4606	DH52200548	Nguyễn Hoàng Dương	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4607	DH52200474	Mai Hòa Phát Đạt	D22_TH13	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	8.5
4608	DH52200497	Trần Tiến Đạt	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4609	DH52200500	Trịnh Công Đạt	D22_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4610	DH52200512	Trần Trung Đông	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4611	DH52200521	Lê Thành Đức	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4612	DH52200598	Lê Quỳnh Giang	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4613	DH52200709	Ngô Thanh Hoàng	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4614	DH52200775	Mê Thái Huy	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9









STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4739	DH52200322	Lê Đức Anh	D22_TH15	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4740	DH52200316	Đào Trịnh Ân	D22_TH15	24	20	0.5	-	-	-	3.5	-	-	0
4741	DH52200355	Dương Quốc Bảo	D22_TH15	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4742	DH52200358	K' Dương Sơn Bảo	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4743	DH52200375	Phan Văn Bảo	D22_TH15	5.5	4.5	0.5	-	-	-	0.5	-	-	4.5
4744	DH52200449	Đỗ Tô Thanh Danh	D22_TH15	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
4745	DH52200530	Đặng Tiến Dũng	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4746	DH52200581	Nguyễn Võ Anh Duy	D22_TH15	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4747	DH52200544	Đinh Thị Thùy Dương	D22_TH15	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4748	DH52200486	Nguyễn Tiến Đạt	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4749	DH52200487	Nguyễn Tiến Đạt	D22_TH15	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4750	DH52200507	Trương Ngọc Đình	D22_TH15	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
4751	DH52200509	Dương Văn Đô	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4752	DH52200628	Bùi Hữu Hạnh	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4753	DH52200645	Phạm Minh Hào	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4754	DH52200625	Tô Nguyễn Gia Hân	D22_TH15	23	22	-	-	-	-	1	-	-	0
4755	DH52200652	Nguyễn Trung Hậu	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4756	DH52200676	Huỳnh Trọng Hiếu	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4757	DH52200678	Lâm Thanh Hiếu	D22_TH15	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
4758	DH52200689	Vòng Trọng Hiếu	D22_TH15	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4759	DH52200731	Nguyễn Duy Hùng	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4760	DH52200772	Lê Trần Quang Huy	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4761	DH52200814	Lê Thị Diệu Huyền	D22_TH15	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4762	DH52200745	Trần Hoàng Anh Hưng	D22_TH15	27	18	-	-	-	-	9	-	-	0
4763	DH52200839	Nguyễn Bảo Khang	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4764	DH52200857	Nguyễn Hữu Khanh	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4765	DH52200887	Trần Quốc Khánh	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4766	DH52200935	Bùi Hoàng Kiên	D22_TH15	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
4767	DH52200951	Nguyễn Tuấn Kiệt	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4768	DH52201041	Vũ Tấn Lực	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4769	DH52201075	Đào Phương Nam	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4801	DH52201681	Nguyễn Nhật Trường	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4802	DH52201692	Võ Hoàng Trường	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4803	DH52201718	Nông Minh Tuấn	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4804	DH52201733	Nguyễn Thanh Tùng	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4805	DH52201739	Lê Thị Kim Tuyền	D22_TH15	35.5	25	1	-	-	-	9.5	-	-	0
4806	DH52201772	Lê Ngọc Hoàng Vũ	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4807	DH52201773	Nguyễn Đức Vũ	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
4808	DH52201778	Phan Long Vũ	D22_TH15	25.5	24	-	-	-	-	1.5	-	-	0
4809	DH52201794	Cao Thị Hải Yến	D22_TH15	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4810	DH92202622	Võ Ngọc Trường An	D22_TK2TT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4811	DH92202730	Nguyễn Trần Diệu My	D22_TK2TT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4812	DH92202744	Nguyễn Hồng Ngọc	D22_TK2TT	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
4813	DH92202745	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	D22_TK2TT	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4814	DH92202766	Nguyễn Kiều Bảo Như	D22_TK2TT	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
4815	DH92202799	Võ Thị Như Quỳnh	D22_TK2TT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4816	DH92202804	Ngô Ngọc Tài	D22_TK2TT	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
4817	DH92202805	Lê Thiện Tâm	D22_TK2TT	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
4818	DH92202827	Nguyễn Thị Đăng Thời	D22_TK2TT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4819	DH92110468	Lâm Mỹ Vân	D22_TK2TT	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
4820	DH92114741	Dương Lê Vân Anh	D22_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4821	DH92202627	Võ Minh Anh	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4822	DH92102073	Nguyễn Văn Thái Bảo	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4823	DH92202635	Trần Gia Bảo	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4824	DH92110619	Nguyễn Văn Chí Bằng	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4825	DH92202647	Mai Thành Đạt	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4826	DH92202650	Võ Quốc Đạt	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4827	DH92203710	Trần Thị Hương Giang	D22_TK3DH1	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
4828	DH92202672	Võ Thu Hiền	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4829	DH92202676	Nguyễn Thái Hòa	D22_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4830	DH92202678	Đặng Huy Hoàng	D22_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4831	DH92100220	Nguyễn Trung Hoàng	D22_TK3DH1	3	1	-	-	-	-	2	-	-	7

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4832	DH92202689	Ngô Đức Huy	D22_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
4833	DH92202692	Nguyễn Tiến Kha	D22_TK3DH1	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
4834	DH92202695	Ngô Minh Khang	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4835	DH92203918	Trần Chí Khang	D22_TK3DH1	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4836	DH92202698	Trần Minh Khang	D22_TK3DH1	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
4837	DH92202700	Nguyễn Hoàng Yên	D22_TK3DH1	3	-	-	-	-	-	2	1	-	7
4838	DH92100532	Nguyễn Bá Khánh	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4839	DH92202703	Trần Lê Anh Khoa	D22_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4840	DH92203782	Hà Trung Kiên	D22_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4841	DH92202715	Huỳnh Xuân Lộc	D22_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4842	DH92202716	Ngô Đại Lộc	D22_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4843	DH92202722	Dương Ngọc Minh	D22_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4844	DH92202726	Nguyễn Thị Ngọc Minh	D22_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4845	DH92202727	Nguyễn Xuân Minh	D22_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4846	DH92107554	Đàm Chấn Nam	D22_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4847	DH92202761	Trần Bảo Nhi	D22_TK3DH1	6	-	-	-	-	-	3	-	3	4
4848	DH92202770	Phạm Thị Hồng Nhung	D22_TK3DH1	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
4849	DH92202769	Vòng Mạnh Như	D22_TK3DH1	3.5	-	-	-	1	-	2.5	-	-	6.5
4850	DH92202779	Hoàng Tấn Phong	D22_TK3DH1	10	-	-	-	-	-	7	-	3	0
4851	DH92202783	Lê Hoàng Phúc	D22_TK3DH1	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
4852	DH92202790	Lê Kim Phụng	D22_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4853	DH92202791	Phạm Thanh Phụng	D22_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4854	DH92202796	Ngô Ngọc Quyên	D22_TK3DH1	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
4855	DH92202806	Lưu Đức Tân	D22_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
4856	DH92202810	Châu Hoàng Tấn	D22_TK3DH1	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4857	DH92202818	Phạm Hồng Phương	D22_TK3DH1	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4858	DH92202812	Võ Thị Hồng Thắm	D22_TK3DH1	4	-	-	-	-	-	3	-	1	6
4859	DH92202813	Đỗ Ngọc Trung Thắng	D22_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
4860	DH92202852	Phan Thị Thùy Trang	D22_TK3DH1	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
4861	DH92202857	Phan Nhật Trí	D22_TK3DH1	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4862	DH92202632	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	D22_TK3DH1	1.5	-	-	-	-	-	1	-	0.5	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4863	DH92202634	Phạm Tuấn Bảo	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4864	DH92202638	Nguyễn Thành Chung	D22_TK3DH2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4865	DH92202639	Ngô Trung Cường	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4866	DH92202640	Nguyễn Tuấn Cường	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4867	DH92202659	Phạm Anh Duy	D22_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4868	DH92202656	Phạm Hoàng Thái Dương	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4869	DH92202649	Nguyễn Văn Đạt	D22_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4870	DH92202667	Nguyễn Phi Hào	D22_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	-	-	0.5	9.5
4871	DH92202663	Nguyễn Trần Gia Hân	D22_TK3DH2	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
4872	DH92202680	Nguyễn Ngọc Hoàng	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4873	DH92202690	Phùng Nhật Huy	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4874	DH92202693	Phan Thanh Kha	D22_TK3DH2	2.5	-	-	-	-	-	2	-	0.5	7.5
4875	DH92202708	Phạm Hoàng Kiều	D22_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	0.5	-	0.5	9
4876	DH92202712	Nhan Phương Linh	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4877	DH92202723	Lê Bảo Nhật Minh	D22_TK3DH2	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4878	DH92202731	Nguyễn Tấn Nam	D22_TK3DH2	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
4879	DH92202735	Trương Nguyễn Hồng Ngân	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4880	DH92202740	Võ Thị Ánh Ngoan	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4881	DH92202743	Ngô Thị Hồng Ngọc	D22_TK3DH2	16.5	1	-	-	-	-	15	-	1	0
4882	DH92202748	Vương Mỹ Ngọc	D22_TK3DH2	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
4883	DH92202750	Phan Song Nguyễn	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4884	DH92202759	Lê Thị Thảo Nhi	D22_TK3DH2	3.5	-	-	-	-	-	3	-	0.5	6.5
4885	DH92202765	Lê Thị Quỳnh Như	D22_TK3DH2	3.5	-	-	-	-	-	3	-	0.5	6.5
4886	DH92202786	Nguyễn Hồng Phúc	D22_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4887	DH92202800	Nguyễn Phùng Sâm	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4888	DH92202814	Ngô Gia Thắng	D22_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4889	DH92202815	Phan Hùng Thắng	D22_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4890	DH92202831	Vũ Hòa Thuận	D22_TK3DH2	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4891	DH92202835	Đình Phạm Thanh Thúy	D22_TK3DH2	3.5	-	-	-	-	-	3	-	0.5	6.5
4892	DH92202851	Nguyễn Thùy Trang	D22_TK3DH2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4893	DH92202848	Nguyễn Vũ Huy Trân	D22_TK3DH2	3	-	-	-	-	-	1.5	1	0.5	7





STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4956	DH92202646	Mai Tấn Đạt	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4957	DH92202643	Trần Tuấn Đăng	D22_TK3DH4	6	-	-	-	-	-	3	-	3	4
4958	DH92202666	Võ Thị Thanh Hằng	D22_TK3DH4	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4959	DH92202665	Văn Gia Hân	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4960	DH92202669	Nguyễn Thanh Hậu	D22_TK3DH4	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4961	DH92202674	Phạm Văn Hiếu	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4962	DH92202675	Trần Thị Minh Hiếu	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4963	DH92202683	Đặng Thị Thu Hồng	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4964	DH92202699	Trần Vĩnh Khang	D22_TK3DH4	4.5	-	-	-	-	-	2.5	-	2	5.5
4965	DH92202709	Võ Thị Thu Lại	D22_TK3DH4	3	-	-	-	-	-	-	-	3	7
4966	DH92202717	Nguyễn Phúc Lộc	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4967	DH92202734	Phạm Đỗ Thanh Ngân	D22_TK3DH4	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
4968	DH92202746	Nguyễn Phương Ngọc	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4969	DH92202749	Phạm Lâm Anh Nguyễn	D22_TK3DH4	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4970	DH92202737	Nguyễn Hồ Minh Nghĩa	D22_TK3DH4	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
4971	DH92202754	Nguyễn Trần Trọng Nhân	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4972	DH92202762	Trần Lê Yên Nhi	D22_TK3DH4	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4973	DH92202763	Trần Mỹ Nhiên	D22_TK3DH4	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4974	DH92202771	Vũ Ngọc Nhung	D22_TK3DH4	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
4975	DH92202768	Võ Ngọc Quỳnh Như	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4976	DH92202778	Nguyễn Đăng Phát	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4977	DH92202781	Dương Nguyễn Q Phúc	D22_TK3DH4	4.5	-	-	-	-	-	1.5	-	3	5.5
4978	DH92202797	Nguyễn Ngọc Phú Quyên	D22_TK3DH4	8	-	-	-	-	-	5	-	3	2
4979	DH92202808	Phạm Hồ Ngọc Tân	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4980	DH92202823	Bùi Minh Thi	D22_TK3DH4	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4981	DH92202826	Phạm Huỳnh Anh Thoại	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4982	DH92202832	Lê Thị Thương	D22_TK3DH4	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
4983	DH92202833	Phan Nguyễn Hoài Thương	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4984	DH92202842	Nguyễn Đức Toàn	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4985	DH92202853	Trần Thị Thu Trang	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4986	DH92202844	Văn Thị Bích Trâm	D22_TK3DH4	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
4987	DH92202849	Phạm Bảo Trân	D22_TK3DH4	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
4988	DH92202855	Đỗ Cao Trí	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4989	DH92202864	Nguyễn Phương Trúc	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4990	DH92202877	Phạm Thị Bích Vân	D22_TK3DH4	3	-	-	-	-	-	-	-	3	7
4991	DH92202886	Phùng Nguyễn Thế Vũ	D22_TK3DH4	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4992	DH92202893	Trần ái Vy	D22_TK3DH4	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
4993	DH92202624	Đặng Nguyễn Châu Anh	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4994	DH92202626	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	D22_TK4NT	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
4995	DH92202633	Nguyễn Lê Gia Bảo	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4996	DH92104664	Võ Tấn Bảo	D22_TK4NT	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
4997	DH92202637	Hoàng Minh Chiến	D22_TK4NT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4998	DH92202655	Nguyễn Vũ Xuân Dương	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4999	DH92109013	Bùi Minh Đạt	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5000	DH92202677	Nguyễn Thu Hoài	D22_TK4NT	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5001	DH92202691	Lê Thị Mỹ Huỳnh	D22_TK4NT	20.5	14	1	-	-	-	5.5	-	-	0
5002	DH92202718	Thái Hoàng Long	D22_TK4NT	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5003	DH92202751	Nguyễn Cao Nhật Nguyệt	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5004	DH92202755	Bùi Trọng Nhân	D22_TK4NT	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
5005	DH92202773	Nguyễn Tấn Nhựt	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5006	DH92202789	Trần Hoàng Phúc	D22_TK4NT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5007	DH92202798	Nguyễn Ngọc Quỳnh	D22_TK4NT	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5008	DH92202837	Phạm Nguyễn Thu Thủy	D22_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5009	DH92203777	Huỳnh Thị Thùy Trang	D22_TK4NT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5010	DH92202863	Đỗ Phạm Thanh Trúc	D22_TK4NT	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
5011	DH92202890	Nguyễn Thị Tường Vy	D22_TK4NT	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5012	DH62201799	Lê Hà Minh Anh	D22_TP01	3	-	0.5	-	-	-	0.5	-	2	7
5013	DH62201801	Lưu Thị Ngọc ánh	D22_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5014	DH62201804	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	D22_TP01	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
5015	DH62201806	Trần Võ Quốc Cường	D22_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5016	DH62201812	Nguyễn Phạm Tái Đoan	D22_TP01	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
5017	DH62201813	Nguyễn Văn Đức	D22_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
5018	DH62201815	Huỳnh Thanh Giàu	D22_TP01	27.5	24	-	-	-	-	0.5	-	3	0
5019	DH62201818	Nguyễn Huỳnh THồng	D22_TP01	12	5	-	-	-	-	4	-	3	0
5020	DH62106771	Ngô Gia Huệ	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5021	DH62201824	Trần Tuấn Huyền	D22_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5022	DH62201820	Trần Khánh Hưng	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5023	DH62201834	Trần Đỗ Kim Long	D22_TP01	1	1	-	-	-	-	-	-	-	9
5024	DH62201833	Huỳnh Phước Lộc	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5025	DH62201836	Trần Khánh Ly	D22_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5026	DH62201837	Đặng Thị Mai	D22_TP01	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
5027	DH62201840	Bùi Nhã Minh	D22_TP01	3	-	0.5	-	-	-	0.5	-	2	7
5028	DH62203809	Nguyễn Hồng Ngọc	D22_TP01	4	-	0.5	-	-	-	1.5	-	2	6
5029	DH62201852	Dương Bảo Nhi	D22_TP01	2.5	-	0.5	-	-	-	-	-	2	7.5
5030	DH62201851	Đỗ Trần Yên Nhi	D22_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5031	DH62201855	Nguyễn Thị Phươ Nhi	D22_TP01	3.5	-	-	-	-	-	1.5	-	2	6.5
5032	DH62201857	Nguyễn Thị Tuyé Nhung	D22_TP01	9	4	-	-	-	-	3	-	2	1
5033	DH62201856	Hồ Thanh Như	D22_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5034	DH62201859	Huỳnh Tấn Phát	D22_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5035	DH62201866	Trần Hoàng Trọng Phước	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5036	DH62201868	Dương Xuân Phương	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5037	DH62201873	Phan Lê Trúc Quỳnh	D22_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5038	DH62201876	Trần Đình Thái	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5039	DH62201878	Nguyễn Thị Anh Thi	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5040	DH62201884	Trần Hùng Tiến	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5041	DH62201886	Bùi Thị Thùy Trang	D22_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5042	DH62201885	Nguyễn Ngọc Bắc Trân	D22_TP01	26	14	-	-	-	-	10	-	2	0
5043	DH62201894	Trần Ngọc Phương Uyên	D22_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5044	DH62201895	Nguyễn Thị Thu Vân	D22_TP01	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
5045	DH62201896	Mai Thành Vinh	D22_TP01	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
5046	DH62201901	Nguyễn Ngọc Tường Vy	D22_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5047	DH62201798	Nguyễn Tấn An	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5048	DH62201802	Võ Thị Hồng ánh	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
5049	DH62202921	Lý Dì Ân	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5050	DH62201803	Nguyễn Trí Bảo	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5051	DH62201809	Nguyễn Thị Thúy Diễm	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5052	DH62201811	Võ Thị Hoàng Diệu	D22_TP02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5053	DH62201816	Dương Bích Hạ	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5054	DH62201823	Lê Anh Huy	D22_TP02	30	24	-	-	-	-	4	-	2	0
5055	DH62201825	Trương Thị Như Huỳnh	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5056	DH62201829	Đặng Tuấn Kiệt	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5057	DH62203493	Phan Gia Linh	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5058	DH62202947	Biện Nguyễn Tuyết	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5059	DH62201839	Ông Kiệt Mẫn	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5060	DH62201841	Phan Thị Diễm My	D22_TP02	61	33	-	-	-	-	26	-	2	0
5061	DH62201846	Trần Thị Kim Ngân	D22_TP02	1.5	-	-	-	-	-	0.5	-	1	8.5
5062	DH62201850	Lê Thanh Nhã	D22_TP02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
5063	DH62201854	Nguyễn Hoàng Nhi	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5064	DH62201860	Ngô Trần Thái Phú	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5065	DH62201861	Cao Phúc	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5066	DH62201865	Bùi Mỹ Phụng	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5067	DH62201871	Huỳnh Thị Diễm Quỳnh	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5068	DH62201874	Lê Ngọc Băng Tâm	D22_TP02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5069	DH62201877	Nguyễn Thị Vy Thảo	D22_TP02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
5070	DH62202909	Lê Võ Hoàng Thân	D22_TP02	55	24	-	-	-	-	29	1	2	0
5071	DH62201879	Phan Thị ánh Thi	D22_TP02	2.5	-	-	-	-	-	1.5	-	1	7.5
5072	DH62201887	Nguyễn Hoàng Trí	D22_TP02	5	-	-	-	-	-	4	-	1	5
5073	DH62201888	Lê Quốc Triệu	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5074	DH62201893	Nguyễn Hoàng Tú Uyên	D22_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5075	DH62201898	Đỗ Khả Vy	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5076	DH62201899	Lưu Vũ Tường Vy	D22_TP02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5077	DH62201900	Nguyễn Đặng Thị Tường	D22_TP02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
5078	DH62201903	Trần Bảo Vy	D22_TP02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5079	DH62201906	Nguyễn Hoàng Ki Yên	D22_TP02	27	24	-	-	-	-	1	-	2	0



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
5111	DH42200280	Phạm Hữu Phúc	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5112	DH42200281	Lý Ngọc Quang	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5113	DH42200284	Trần Hoài Sang	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5114	DH42203904	Ngô Hoàng Sơn	D22_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5115	DH42202920	Vĩnh Bảo Thắng	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5116	DH42200289	Lương Quốc Thịnh	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5117	DH42200291	Lê Minh Tính	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5118	DH42202960	Nguyễn Huỳnh Văn Trí	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5119	DH42200293	Nguyễn Ngọc Xuân Trường	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5120	DH42203771	Nguyễn Xuân Trường	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5121	DH42203725	Lê Huỳnh Anh Tú	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5122	DH42200295	Lê Thành Vinh	D22_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5123	DH82202546	Lê Thanh Bình	D22_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5124	DH82200408	Ngô Văn Chí	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5125	DH82001249	Đoàn Khánh Duy	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5126	DH82202553	Trần Thanh Duy	D22_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5127	DH82202554	Nguyễn Minh Duyn	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5128	DH82202551	Nguyễn Văn Đạt	D22_XD01	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
5129	DH82202556	Thái Văn Hiệp	D22_XD01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
5130	DH82202558	Nguyễn Thái Hòa	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5131	DH82202560	Trịnh Thế Hùng	D22_XD01	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5
5132	DH82112642	Hồ Năng Huy	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5133	DH82202562	Trần Hoàng Anh Kha	D22_XD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5134	DH82202563	Nguyễn Quốc Khải	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5135	DH82202564	Bốc Duy Khang	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5136	DH82202566	Nguyễn Đăng Khoa	D22_XD01	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
5137	DH82202567	Trần Minh Khoa	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5138	DH82202569	Nguyễn Lương Anh Kiệt	D22_XD01	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
5139	DH82202571	Kiều Hoàng Lân	D22_XD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5140	DH82202575	Nguyễn Thành Long	D22_XD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5141	DH82202576	Phan Huỳnh Bảo Long	D22_XD01	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5



STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
5173	DH82202586	Lương Trung Nghĩa	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5174	DH82202587	Trần Minh Nghiệp	D22_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5175	DH82202590	Nguyễn Minh Nhựt	D22_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5176	DH82203817	Nguyễn Hồng Quang	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5177	DH82202597	Phan Hoàng Như Quỳnh	D22_XD02	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
5178	DH82202599	Lê Minh Tấn	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5179	DH82202600	Nguyễn Hồng Thái	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5180	DH82203806	Võ Ngọc Thành	D22_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5181	DH82202604	Nguyễn Chánh Thi	D22_XD02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
5182	DH82202608	Nguyễn Trọng Tín	D22_XD02	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
5183	DH82202973	Trương Minh Toàn	D22_XD02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5184	DH82202610	Trần Khánh Trình	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5185	DH82202612	Lê Thanh Trường	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5186	DH82202613	Đỗ Minh Tú	D22_XD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5187	DH82202614	Nguyễn Thanh Tú	D22_XD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5188	DH82202615	Lai Trương Anh Tuấn	D22_XD02	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5